

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Thị Thủy**  
**Giảng viên hướng dẫn : Th.s Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Thị Thủy  
Giảng viên hướng dẫn: Th.s Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Vũ Thị Thủy

Mã SV: 1113401027

Lớp: QTL501K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp ( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Khái quát hoá những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
  - Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt.
  - Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp hoàn thiện.
  
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Sử dụng số liệu năm 2012 của Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt
  
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
  - Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh  
Học hàm, học vị: Thạc sỹ  
Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng  
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....  
Học hàm, học vị:.....  
Cơ quan công tác:.....  
Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

**Vũ Thị Thuỷ**

**Th.s Nguyễn Thị Mai Linh**

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2013***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

## **PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

### **1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu do giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định

### **2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã đi sâu phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt, có số liệu minh họa cụ thể (quý 4 năm 2012). Số liệu minh họa giữa chứng từ và sổ sách có tính logic và chính xác cao.

Chương 3, sau khi đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt, tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

### **3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

Bằng số: .....

Bằng chữ: .....

*Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2013*

***Cán bộ hướng dẫn***

***Ths. Nguyễn Thị Mai Linh***

**MỤC LỤC**

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....</b>	<b>2</b>
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	2
1.1.2. Một số khái niệm cơ bản .....	3
1.1.2.1. Doanh thu .....	3
1.1.2.2. Chi phí .....	7
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.....	9
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	10
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu .....	10
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng .....	10
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng .....	10
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán .....	12
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán .....	12
1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho .....	12
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng .....	13
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng .....	13
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán .....	15
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	16
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng .....	16
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng .....	16

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán .....	16
1.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	17
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng .....	17
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng .....	17
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán .....	19
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	21
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng .....	21
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng .....	21
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán .....	21
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	23
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng .....	23
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng .....	23
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán .....	25
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	25
<b>CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT.....</b>	<b>29</b>
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt .....	29
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt .....	29
2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt .....	30
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt.....	31
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt .....	32
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán .....	32
2.1.4.2. Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty .....	33
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán .....	33
2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.....	34
2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.....	34



## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt.....	34
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	34
2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty .....	34
2.2.1.2. Chứng từ sử dụng .....	35
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng .....	35
2.2.1.4. Quy trình hạch toán .....	35
2.2.1.5. Ví dụ minh họa .....	36
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán .....	40
2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán tại Công ty.....	40
2.2.2.2. Chứng từ sử dụng .....	40
2.2.2.3. Tài khoản sử dụng .....	40
2.2.2.4. Quy trình hạch toán .....	40
2.2.2.5. Ví dụ minh họa .....	41
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	47
2.2.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty .....	47
2.2.3.2. Chứng từ sử dụng .....	47
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng .....	47
2.2.3.4. Quy trình hạch toán .....	47
2.2.3.5. Ví dụ minh họa .....	48
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	53
2.2.4.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính .....	53
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng .....	53
2.2.4.3. Tài khoản sử dụng .....	53
2.2.4.4. Quy trình hạch toán .....	53
2.2.4.5. Ví dụ minh họa .....	54
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	57
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	57
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng .....	57
2.2.6.2. Tài khoản sử dụng .....	57

---

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

2.2.6.3. Quy trình hạch toán .....	57
2.2.6.4. Ví dụ minh hoạ .....	58
<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT .....</b>	<b>66</b>
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt.....	66
3.1.1. Ưu điểm.....	67
3.1.2. Hạn chế.....	69
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt .....	70
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	70
3.2.2. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt ..	71
3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt .....	71
3.2.3.1. Hiện đại hoá công tác kế toán .....	71
3.2.3.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty .....	75
3.2.3.3. Hoàn thiện việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi .....	83
3.2.3.4. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ .....	87
3.2.3.5. Một số giải pháp khác .....	88
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>89</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế càng ngày càng phát triển đã mở ra vô vàn cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp. Để có thể tồn tại và vươn lên thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt các thông tin; đặc biệt là các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác.

Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với nhà nước, nhà đầu tư, các tổ chức tài chính,... Các thông tin này được kế toán trong công ty tập hợp, phản ánh dưới dạng các con số và chỉ tiêu kinh tế tài chính. Việc xác định đúng doanh thu, chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty. Tuy nhiên đây không phải là nhiệm vụ dễ dàng nhất là khi thực tế các hoạt động kinh tế diễn ra ngày càng phức tạp.

Nhận thức tầm quan trọng của vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt em đã đi sâu vào nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt”**.

*Khoá luận gồm 3 chương:*

**Chương 1:** *Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ*

**Chương 2:** *Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt*

**Chương 3:** *Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt*

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo khoa kế toán kiểm toán Trường Đại học Dân lập Hải Phòng đặc biệt là GV – TH.s Nguyễn Thị Mai Linh đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành khoá luận này. Em cũng xin cảm ơn ban lãnh đạo và cán bộ phòng kế toán Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập tại công ty.

**Em xin chân thành cảm ơn !**

## **CHƯƠNG I:**

### **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

#### **1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

##### **1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hoá lợi nhuận và giảm thiểu hoá chi phí). Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận của một doanh nghiệp chính là doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng. Với việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp các nhà quản trị doanh nghiệp sẽ nắm bắt được thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đề ra những quyết định, phương hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ cần thiết đối với các nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

+ Đối với nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay bao nhiêu và vay trong bao lâu.

+ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước,...

### 1.1.2. Một số khái niệm cơ bản

#### 1.1.2.1. Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Doanh thu bao gồm:

##### **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có) trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC thì doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn 5 điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

- **Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:**

- *Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng:*

Theo phương thức này, căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong, người

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

nhận hàng ký xác nhận vào hoá đơn bán hàng và số hàng đó được xác định là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- *Phương thức gửi hàng cho khách:*

Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- *Phương thức gửi đại lý, ký gửi:*

Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm hàng hoá gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ. Hàng gửi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán, khách hàng đã ứng trước tiền mua hàng về số hàng gửi đi bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:*

Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi chậm trả theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi chậm trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

- *Phương thức hàng đổi hàng:*

Theo phương pháp này, doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả trên thị trường rồi dùng số tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này, doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.

 ***Các khoản giảm trừ doanh thu:***

Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp trực tiếp, được tính

giảm trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

\*) **Chiết khấu thương mại:** là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

\*) **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

\*) **Hàng bán bị trả lại:** là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế. hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

\*) **Các loại thuế phải nộp Nhà nước:**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng.

- Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hoá được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

 **Doanh thu thuần**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ...

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

### **Thu nhập khác**

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” bao gồm các khoản thu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xoá sổ tính vào chi phí kỳ trước
- Khoản nợ phải trả nay đã mất chủ được ghi tăng thu nhập



- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại
- Các khoản thu khác

Khoản thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ là tổng số tiền đã thu và sẽ thu được của người mua từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Các chi phí về thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi nhận là chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Thu được các khoản nợ phải thu đã xoá sổ tính vào chi phí của kỳ trước là khoản nợ phải thu khó đòi, xác định là không thu hồi được, đã được xử lý xoá sổ và tính vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong các kỳ trước nay thu hồi được.

### 1.1.2.2. Chi phí

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản sau:

#### **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.

- Đối với hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.
- Đối với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ

#### **Chi phí quản lý kinh doanh**

Chi phí quản lý kinh doanh phản ánh các khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ và hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn bộ doanh nghiệp.

#### **Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm : các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, các khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

### **Chi phí khác**

Chi phí khác phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm những khoản chi phí (hoặc khoản lỗ) phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hoá.

### **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác

**Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế × Thuế suất thuế TNDN**

### **1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp	=	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	+	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	+	Lợi nhuận từ hoạt động khác
---------------------------------------	---	-----------------------------------	---	----------------------------------	---	-----------------------------

*Trong đó:*

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	=	Doanh thu thuần	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí quản lý kinh doanh
-----------------------------------	---	-----------------	---	------------------	---	----------------------------

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	=	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí hoạt động tài chính
----------------------------------	---	-------------------------------	---	-----------------------------

Lợi nhuận từ hoạt động khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
-----------------------------	---	---------------	---	--------------

$$\begin{array}{rcl} \text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập} & & \text{Lợi nhuận trước} & & \text{Chi phí thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp (lợi nhuận ròng} & = & \text{thuế của doanh} & - & \text{doanh nghiệp hiện} \\ \text{hay lãi ròng)} & & \text{nghiệp} & & \text{hành} \end{array}$$

### **1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp**

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã... đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động bất thường.

- Phải theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.

- Ghi chép, phản ánh chi tiết, kịp thời, chính xác các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đơn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập các báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

- Xác định đúng thời điểm hàng hoá được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo tiêu thụ, phản ánh doanh thu, báo cáo thường xuyên tình hình tiêu thụ và thanh toán chi tiết theo từng loại hàng hoá, từng hợp đồng kinh tế.

- Xác định và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Từ đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo để có những việc làm cụ thể phù hợp với thị trường.

### **1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

#### **1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu**

##### **1.2.1.1. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng,...
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ,...

##### **1.2.1.2. Tài khoản sử dụng**

###### **❖ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

###### **✓ Bên Nợ**

- + Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ
- + Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- + Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- + Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- + Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.
- + Kết chuyển doanh thu thuần vào **TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.**

### ✓ **Bên Có**

+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

✓ *TK 511 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

✓ TK 511 có 4 tiểu khoản cấp 2 :

+ TK 5111 : *Doanh thu bán hàng hoá*

+ TK 5112 : *Doanh thu bán các thành phẩm*

+ TK 5113 : *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

+ TK 5118 : *Doanh thu khác*

### ❖ **TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu**

✓ Các TK 521 cấp 3 gồm:

+ TK 5211 – *Chiết khấu thương mại*

+ TK 5212 – *Hàng bán bị trả lại*

+ TK 5213 – *Giảm giá hàng bán*

✓ **TK 5211 – Chiết khấu thương mại:** Phản ánh số giảm giá cho người mua hàng đối với khối lượng lớn được ghi trên hoá đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng.

✓ **TK 5212 – Hàng bán bị trả lại:** Phản ánh trị giá bán của số sản phẩm, hàng hoá đã bán bị khách hàng trả lại.

✓ **TK 5213 – Giảm giá hàng bán:** Phản ánh các khoản giảm giá hàng bán so với giá ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng thông thường phát sinh trong kỳ.

### ✓ **Bên Nợ:**

- Trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào số nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán ra.

- Các khoản giảm giá hàng hoá đã chấp nhận cho người mua hàng.

### ✓ **Bên Có:**

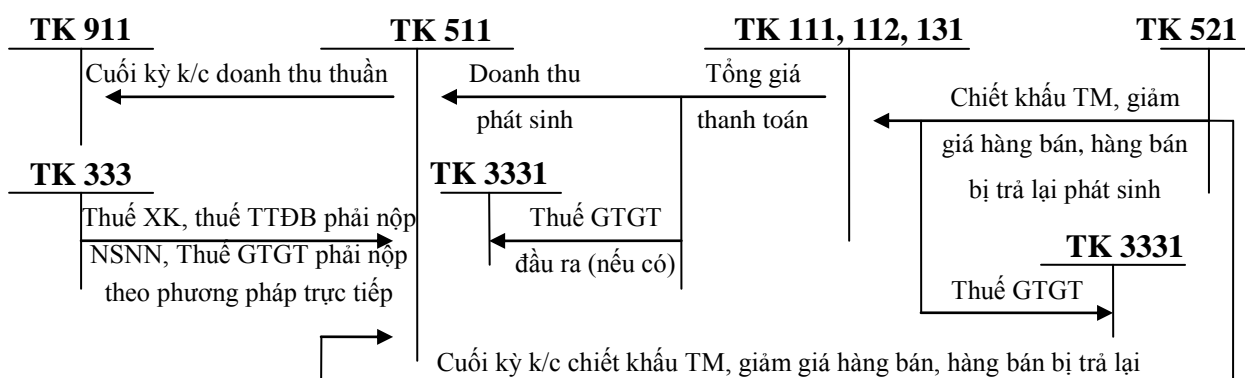
Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

✓ *TK 521 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

### 1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1:

**Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**



### 1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

#### 1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

- Để tính giá trị hàng hoá xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính trị giá hàng xuất kho theo quy định trong chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho”:

✓ **Phương pháp bình quân gia quyền:**

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

✓ **Phương pháp nhập trước xuất trước :**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho

✓ **Phương pháp nhập sau xuất trước :**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước. hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho

✓ **Phương pháp tính theo giá đích danh:**

Phương pháp này được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

**1.2.2.2. Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn bán hàng thông thường
- Phiếu xuất kho

**1.2.2.3. Tài khoản sử dụng**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng tài khoản: **TK 632 – Giá vốn hàng bán.**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ sử dụng tài khoản: **TK 631 – Giá thành sản xuất**

**TK 632 – Giá vốn hàng bán**

❖ **Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

• **Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

✓ **Bên Nợ:**

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- + Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TDCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

✓ **Bên Có:**

+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang ***TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.***

+ Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

+ Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

✓ *Tài khoản 632 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

• ***Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ:***

✓ **Bên Nợ:**

+ Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;

+ Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ;

+ Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

✓ **Bên Có:**

+ Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính

+ Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

+ Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ;

+ Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ *Tài khoản 632 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

❖ ***Tài khoản 631 – Giá thành sản xuất***

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi tiết sản xuất và tính giá thành dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn,... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



✓ **Bên Nợ:**

- + Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ.
- + Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

✓ **Bên Có:**

+ Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632 – Giá vốn hàng bán.

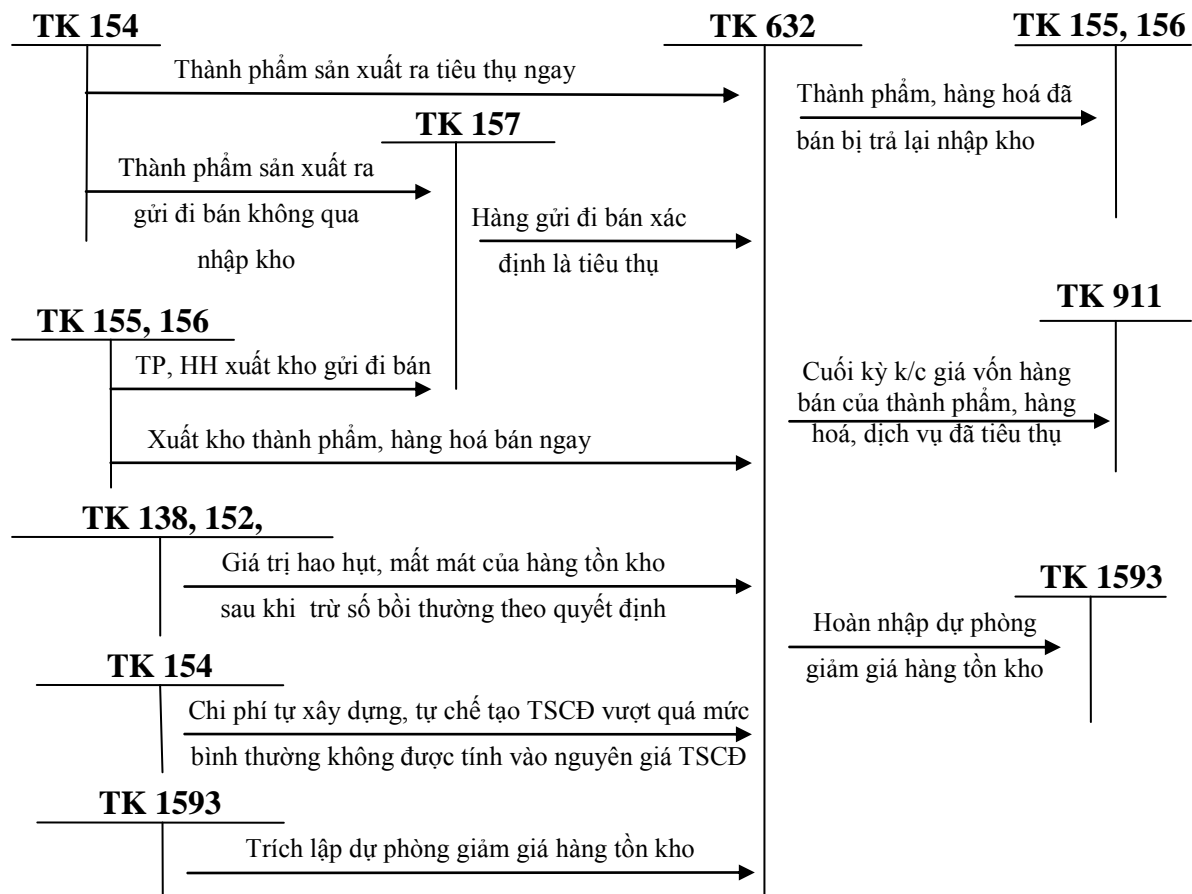
- + Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

✓ *Tài khoản 631 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

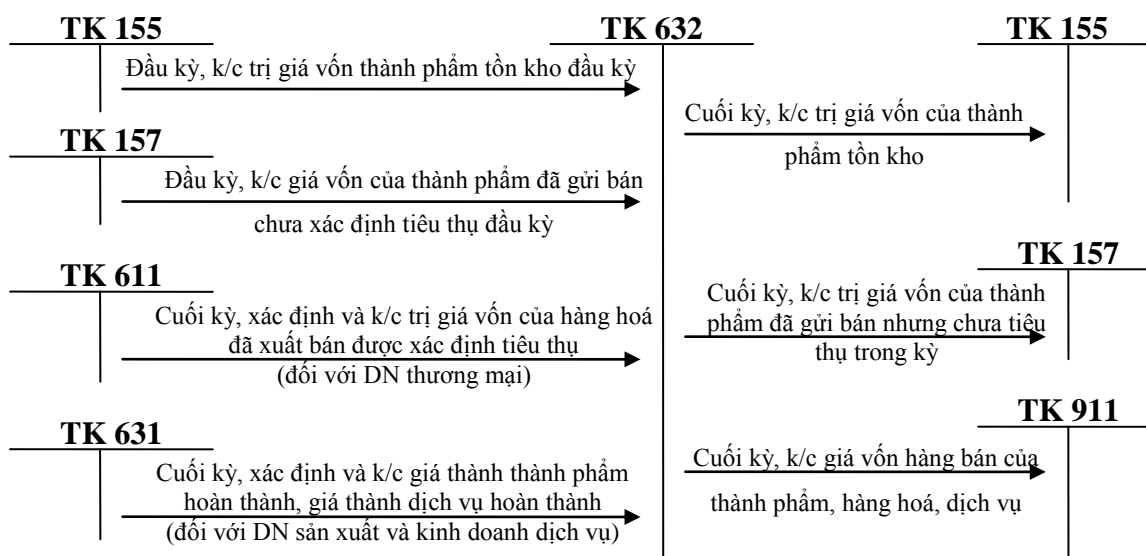
**1.2.2.4. Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán được khái quát thông qua hai sơ đồ 1.3 và sơ đồ 1.4:

**Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**



**Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



### 1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

#### 1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu xuất kho, Phiếu kế toán...

#### 1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

##### ❖ TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

- Các tài khoản cấp 2:

+ TK 6421 – Chi phí bán hàng

+TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

##### ✓ Bên Nợ:

- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.

##### ✓ Bên Có:

- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ.

- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào bên Nợ TK 911 – Xác định kết

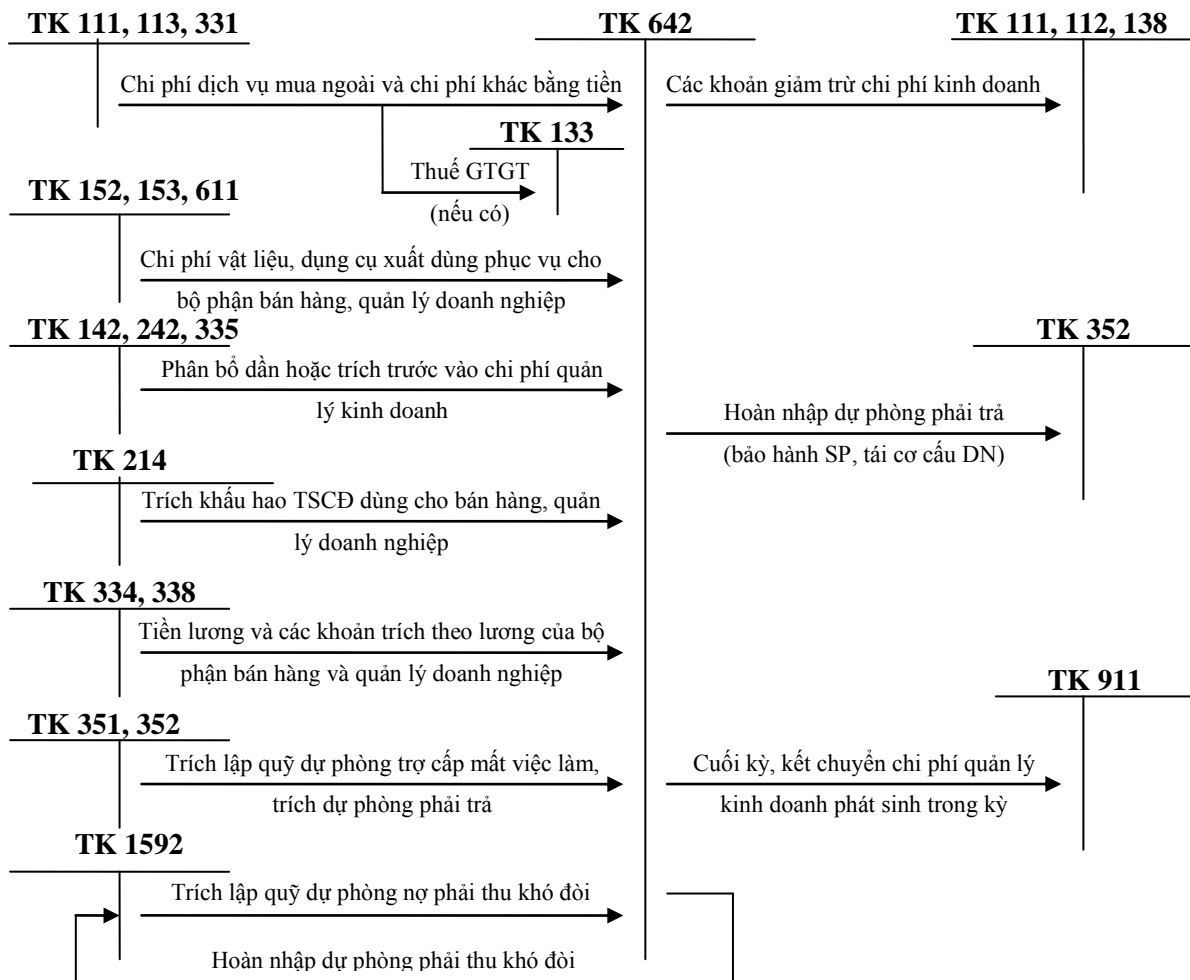
*quả kinh doanh.*

- ✓ Tài khoản 642 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

#### 1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ 1.5:

**Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**



**1.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính**

**1.2.4.1. Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Phiếu kế toán

**1.2.4.2. Tài khoản sử dụng**

❖ **TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

✓ **Bên Nợ**

- + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)

+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang **TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.**

✓ **Bên Có**

- + Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- + Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- + Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- + Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- + Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (Giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.

+ Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

✓ *Tài khoản 515 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

❖ **TK 635 – Chi phí tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

✓ **Bên Nợ**

- + Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- + Lỗ bán ngoại tệ
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua
- + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- + Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- + Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

### ✓ **Bên Có**

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

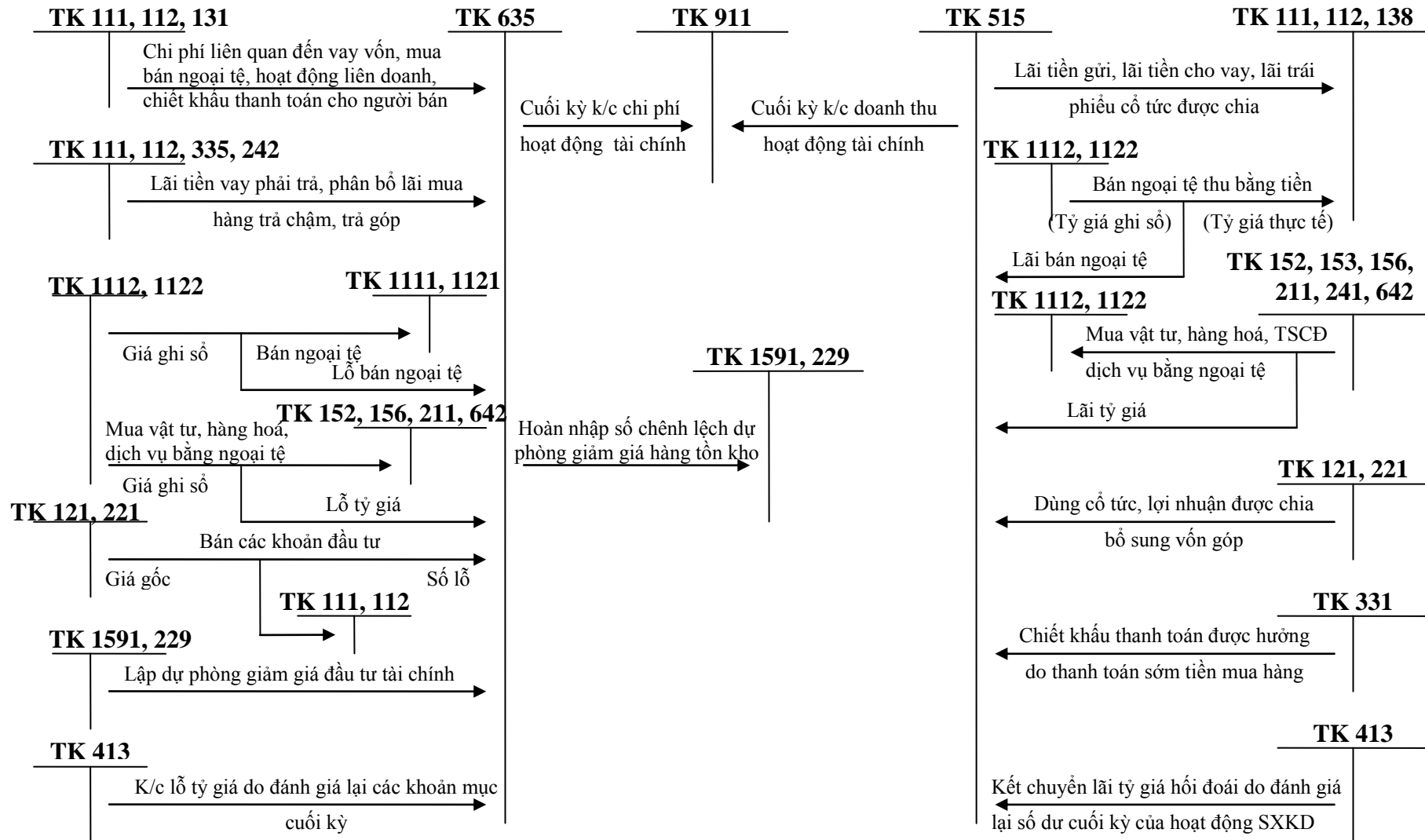
✓ *Tài khoản 635 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

### **1.2.4.3. Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.6:

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính**



### 1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

#### 1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy uỷ nhiệm chi, giấy báo có...
- Các chứng từ liên quan khác: biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế,...

#### 1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

##### ❖ *TK 711 – Thu nhập khác*

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

##### ✓ **Bên Nợ**

+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang *TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh*.

##### ✓ **Bên Có**

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

✓ *Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.*

##### ❖ *TK 811 – Chi phí khác*

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

##### ✓ **Bên Nợ**

Các khoản chi phí khác phát sinh

##### ✓ **Bên Có**

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 811 – Xác định kết quả kinh doanh.

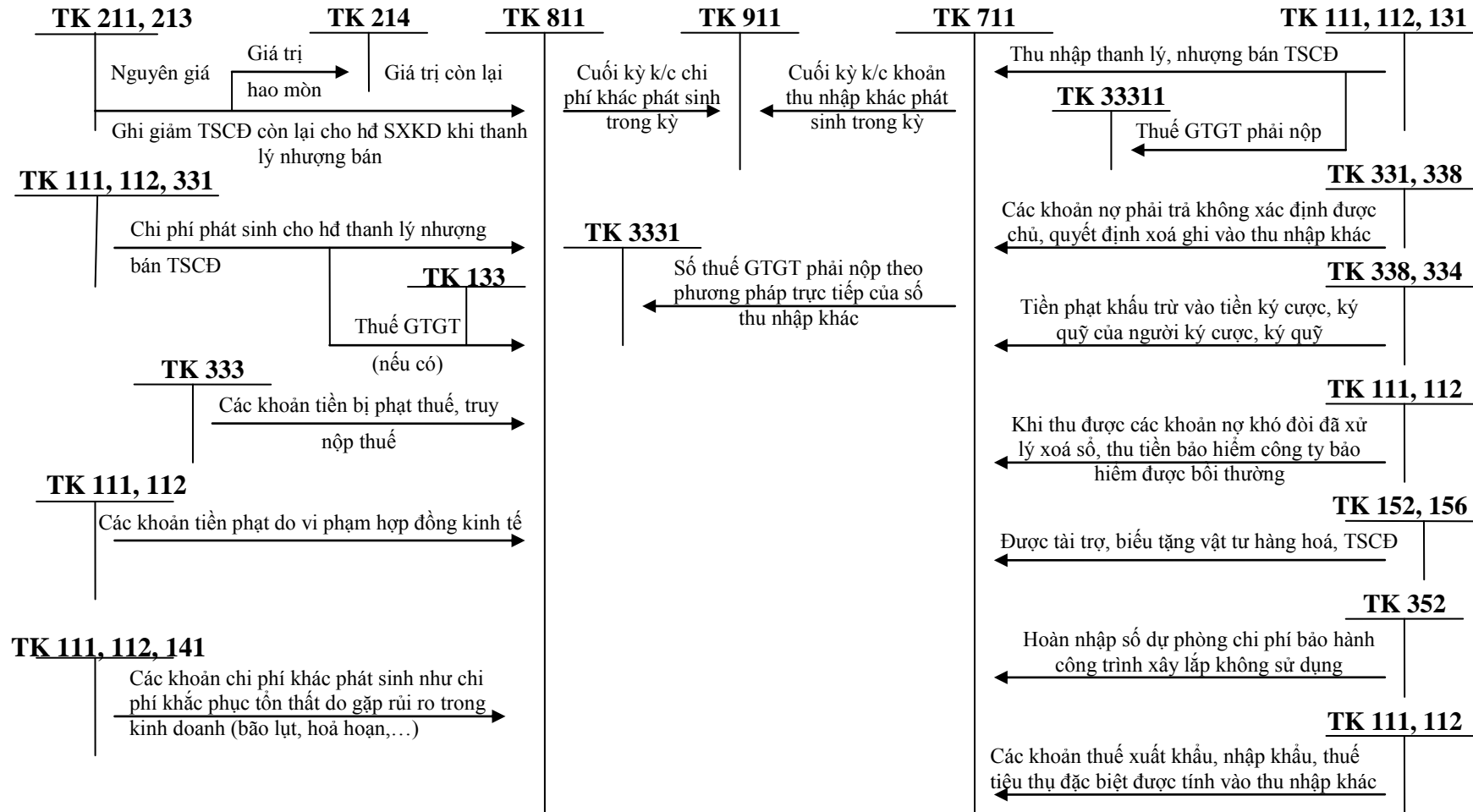
✓ *Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ*

#### 1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát thông qua sơ đồ 1.7:

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác





### **1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.2.6.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

#### **1.2.6.2. Tài khoản sử dụng**

##### **❖ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

##### **✓ Bên Nợ:**

- Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh (gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp).
- Kết chuyển lãi.

##### **✓ Bên Có:**

- Kết chuyển doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

✓ *Tài khoản 911 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

##### **❖ TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

##### **✓ Bên Nợ**

- + Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- + Trích lập các quỹ của doanh nghiệp
- + Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh

+ Bổ sung nguồn vốn kinh doanh

+ Nộp lợi nhuận lên cấp trên

✓ **Bên Có**

+ Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của DN trong kỳ

+ Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.

+ Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

✓ **TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối có 2 tiểu khoản cấp 2 :**

+ TK 4211 : Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

+ TK 4212 : Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

✓ *Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có*

❖ **TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

✓ **Bên Nợ:**

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.

✓ **Bên Có:**

+ Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm.

+ Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại.

+ Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào **TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh**.

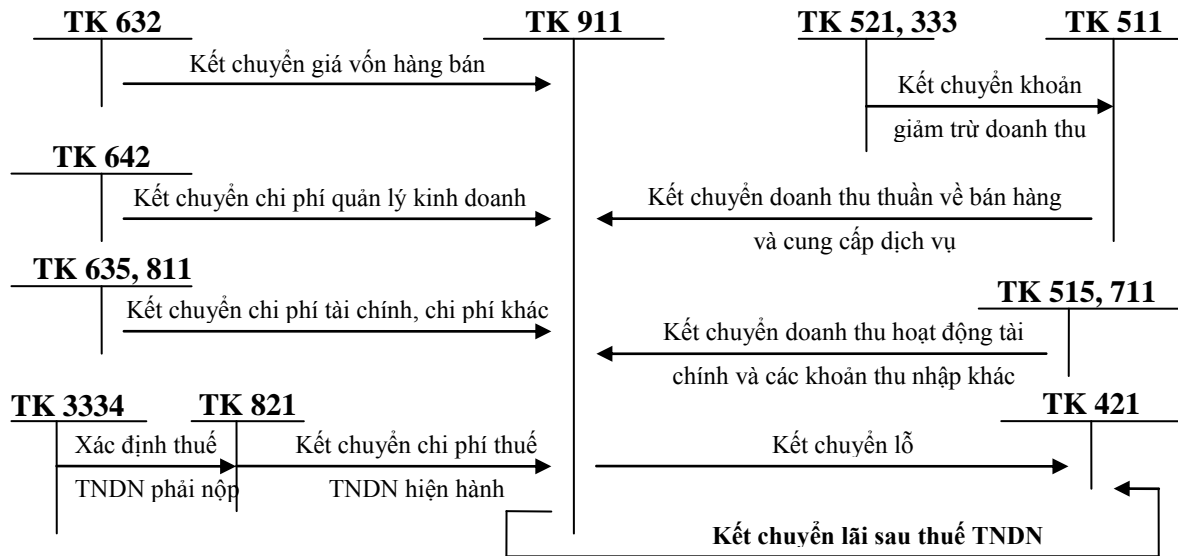
✓ *Tài khoản 821 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

✓ *Tài khoản 911 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

**1.2.6.3. Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ 1.8

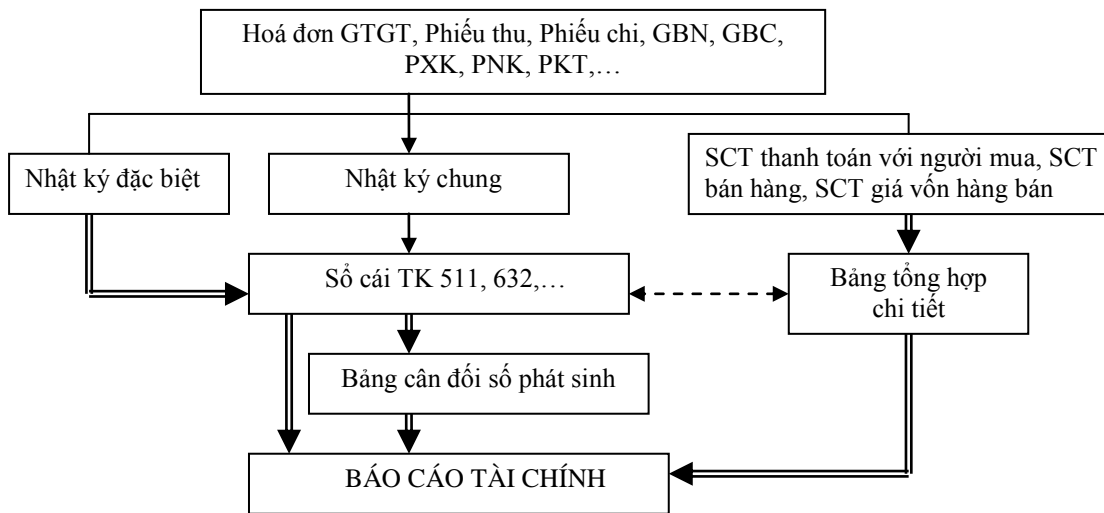
**Sơ đồ 1.8: Kế toán xác định kết quả kinh doanh**



**1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Theo chế độ kế toán có 5 hình thức kế toán sau:

- **Hình thức kế toán Nhật ký chung:**

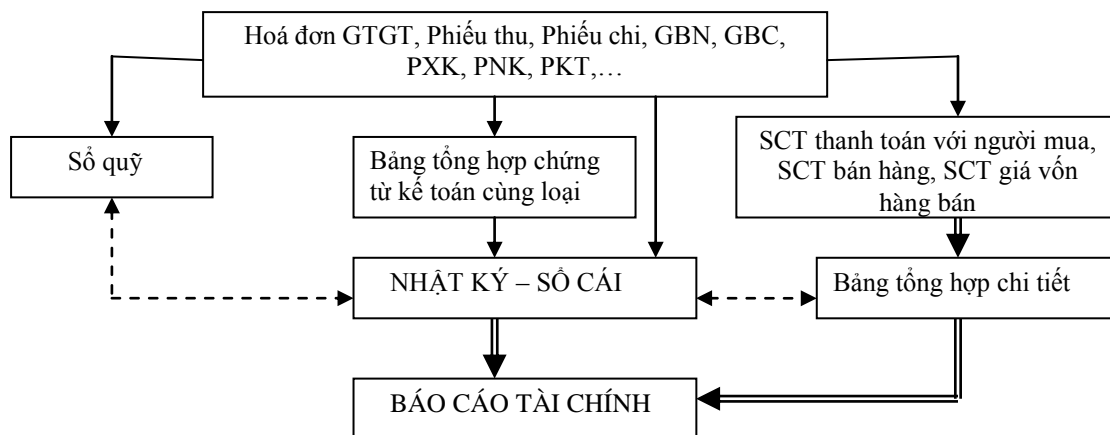


**Ghi chú:**  
 → Ghi hàng ngày  
 ⇒ Ghi cuối tháng  
 ↔ Đối chiếu

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đặc điểm:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

### - Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



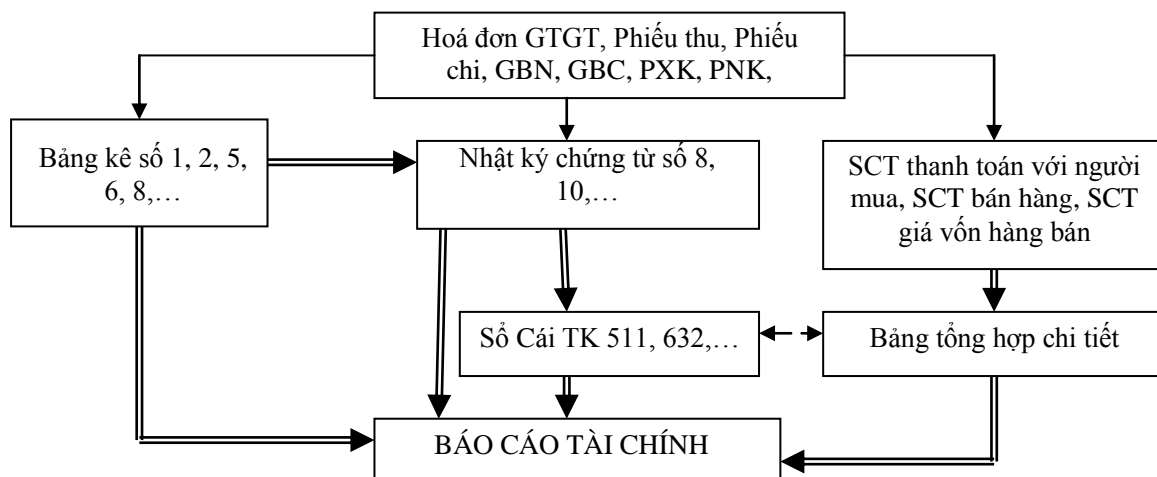
**Ghi chú:** —————> Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối tháng

←-----> Đối chiếu

**Đặc điểm:** Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

### - Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ



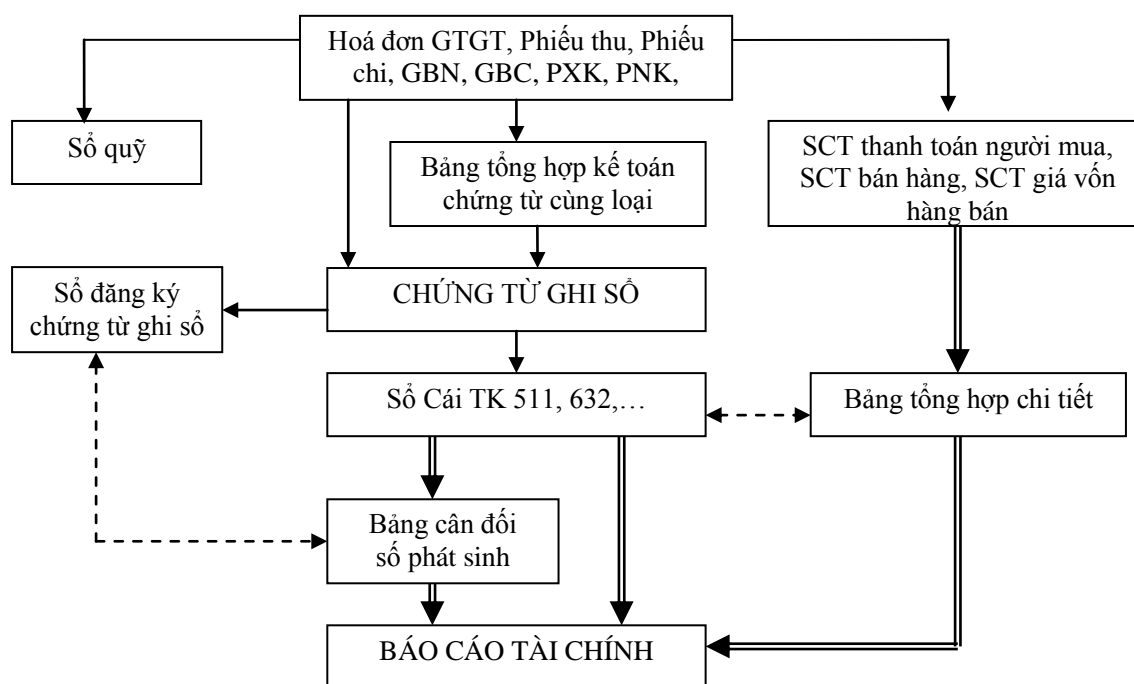
**Ghi chú:** —→ Ghi hàng ngày

==> Ghi cuối tháng

←---> Đối chiếu

**Đặc điểm:** Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ. Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

**- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**



**Ghi chú:** —→ Ghi hàng ngày

==> Ghi cuối tháng

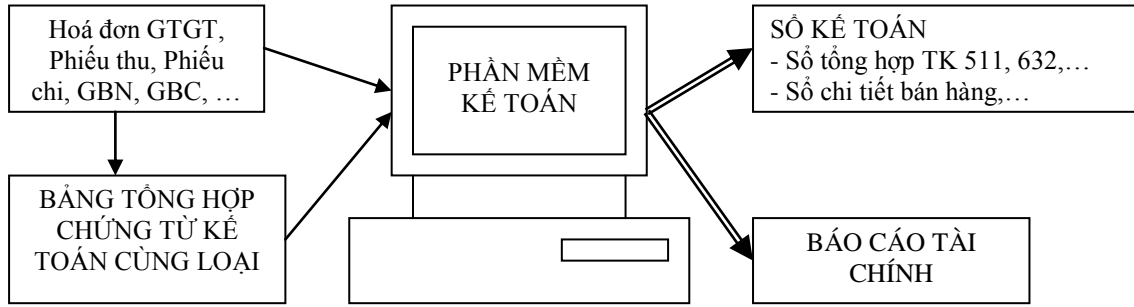
←---> Đối chiếu

**Đặc điểm:** Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

**- Hình thức kế toán trên máy tính**



**Ghi chú:** —→ Ghi hàng ngày  
==→ Ghi cuối tháng  
←---→ Đối chiếu

**Đặc điểm:** Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định của Nhà nước.

**CHƯƠNG II:**

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**

**2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt**

**2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt**

Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt là một công ty tư nhân với 100% vốn đầu tư trong nước. Công ty đăng ký thành lập ngày 23 tháng 03 năm 2010 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp phép đăng ký thành lập.

**Thông tin về Công ty:**

- Tên công ty: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**

- Tên bằng tiếng nước ngoài: **MINH ĐẠT MOLD COMPANY LIMITED**

- Tên viết tắt: **MINH ĐẠT MOLD CO.,LTD**

- Điện thoại: 0313.593287 Fax: 0313.293226

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 350 Tôn Đức Thắng – An Đồng – An Dương – Hải Phòng

- Mã số thuế: 0201046170

- Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VND

- Thành viên góp vốn:

Ông Đỗ Quốc Huỳnh góp 900.000.000 VND chiếm 60% vốn điều lệ.

Bà Lê Na góp 600.000.000 VND chiếm 40% vốn điều lệ.

Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt là công ty trách nhiệm hạn có hai thành viên trở lên, số lượng thành viên không vượt quá 50.

Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn cam kết góp vào doanh nghiệp.

Công ty không được phép phát hành cổ phiếu.

Công ty là một tổ chức kinh tế hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam và ngoại tệ tại ngân hàng theo quy định của Pháp luật.

Từ khi thành lập cho đến nay Công ty đã có những bước chuyển mình đột phá từ đó tạo cho Công ty một vị thế vững chắc và là bạn hàng tin cậy của nhiều công ty khác.

### **2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt**

Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt là một công ty tư nhân, là đơn vị sản xuất kinh doanh có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập quy trình sản xuất kinh doanh đơn giản gọn nhẹ.

Công ty luôn coi trọng chất lượng sản phẩm, dịch vụ là nền tảng cho sự lớn mạnh của công ty, để làm được điều đó ban lãnh đạo công ty đã không ngừng đầu tư các phương tiện hiện đại để có thể đáp ứng các nhu cầu khách hàng một cách nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo chất lượng trong mọi hoàn cảnh. Chính nhờ có chiến lược rõ ràng, mà hiện nay công ty đã xây dựng cho mình một thương hiệu có uy tín không chỉ trong địa bàn thành phố mà còn mở rộng trong cả nước.

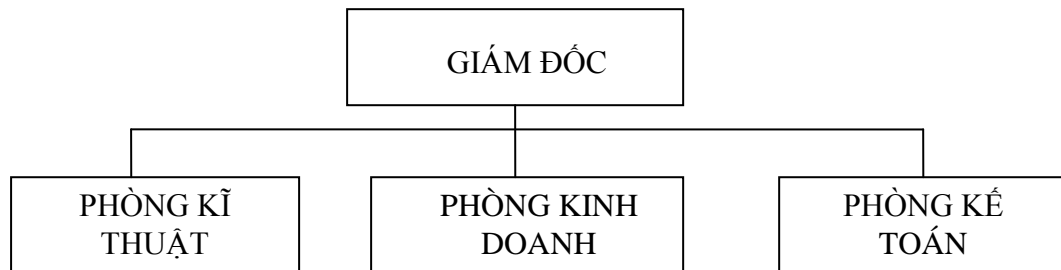
Công ty đã chế tạo nhiều bộ khuôn mẫu, sản xuất các sản phẩm từ plastic như linh kiện máy in máy ảnh, điện; sản phẩm từ cao su như gioăng, phớt, đệm theo các đơn đặt hàng. Ngoài ra, Công ty cũng nhận gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại, rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại. Công ty kinh doanh trên các ngành sau:

- Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại.
- Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại.
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng.
- Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn.
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: linh kiện khuôn mẫu, linh kiện đồng cơ...
- Sản xuất sản phẩm khác từ plastic: linh kiện máy in, máy ảnh, điện, điện tử, đồ dùng dân dụng.
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su: gioăng, phớt, đệm...



- Lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp.
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn.
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: khuôn mẫu, cấu kiện kim loại (không bao gồm công trình xây dựng)

### 2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt



**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý**

#### ❖ Chức năng từng phòng ban:

Như sơ đồ trên, ta thấy cơ cấu tổ chức của Công ty như là một hệ thống được liên kết một cách chặt chẽ. Đứng đầu Công ty là Giám đốc, dưới là Giám đốc là các phòng ban. Nhìn chung công ty được tổ chức theo mô hình kinh doanh rộng.

Theo mô hình quản lý trên thì các vấn đề phát sinh trong các bộ phận chức năng sẽ do cán bộ phụ trách chức năng quản lý. Đối với những vấn đề chung của Công ty sẽ do Giám đốc chịu trách nhiệm, Giám đốc sẽ là người đưa ra phương hướng giải quyết cuối cùng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- **Giám đốc:** Giám đốc là người đứng đầu Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và toàn bộ cổ đông về hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty về kế hoạch, mục tiêu, chiến lược sản xuất kinh doanh và điều hành, kiểm tra các hoạt động của Công ty.

- **Phòng kinh doanh:** có trách nhiệm theo dõi mọi hoạt động kinh doanh của công ty, tiến hành lập kế hoạch và tổ chức bán buôn trực tiếp hàng hóa dịch vụ, đồng thời tư vấn cho giám đốc về phương hướng tổ chức kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ.

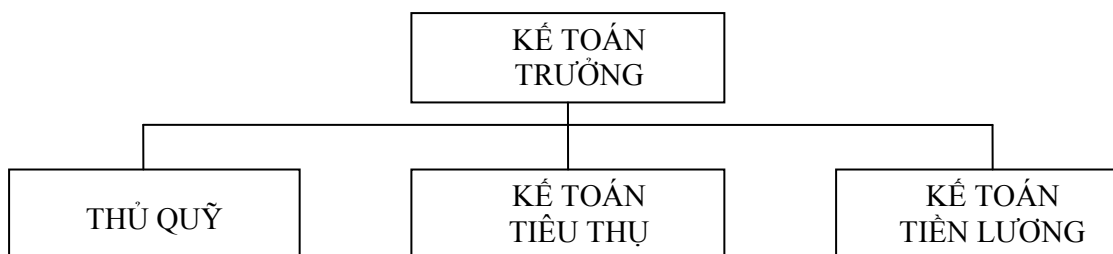
- **Phòng kế toán:** Tham mưu cho giám đốc về các lĩnh vực tài chính kế toán của Công ty, tổ chức quản lý các nguồn vốn, hạch toán kế toán đúng chế độ, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục và có hiệu quả. Chỉ đạo công tác kế toán toàn

doanh nghiệp, xác định tài sản vật tư, tiền vốn và kết quả kinh doanh. Qua đó phân tích đánh giá xác định kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty từ đó cùng với các phòng ban chức năng xác định bước tăng trưởng và phát triển của Công ty theo từng tháng, quý, thanh quyết toán các khoản tiền lương, BHXH cho cán bộ công nhân viên toàn Công ty. Lưu trữ hồ sơ, các chứng từ gốc liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế của Công ty. Tính toán và trích lập đủ, đúng hạn các khoản nộp ngân sách Nhà nước, nộp cấp trên và các quỹ để lại.

- **Phòng kỹ thuật** : đảm nhận vai trò và trách nhiệm về kỹ thuật của các sản phẩm hàng hóa. Nghiên cứu từng bước hoàn thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm. Sửa chữa và bảo hành sản phẩm sau khi bán hàng.

### 2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt

#### 2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán



**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty**

#### ➤ **Kế toán trưởng:**

- Kế toán trưởng là người giúp giám đốc Công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ nhân viên trong phòng phù hợp năng lực và trình độ chuyên môn của từng người.

- Chịu sự kiểm tra giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán của cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của Nhà nước.

- Kiểm soát toàn bộ các chứng từ sổ sách liên quan phát sinh đến tài chính của Công ty.

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ghi chép hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

➤ **Kế toán tiền lương:**

Là nhiệm vụ tính tiền lương bao gồm lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp mang tính chất lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty theo những quy định chung( đối với khối lao động gián tiếp lương tính trên phần trăm doanh thu thu được, đối với khối lao động trực tiếp lương tính theo sản phẩm). Hàng tháng tính đến các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ).

➤ **Kế toán tiêu thu:**

Kế toán toàn bộ hoạt động mua hàng và bán hàng. Theo dõi công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán. Các khoản hoa hồng, khuyến mãi, các khoản giảm trừ mà khi mua hàng nhận được và khi bán hàng dành cho khách hàng. Và theo dõi thuế đầu ra và đầu vào.

➤ **Thủ quỹ:**

Có nhiệm vụ cất giữ tiền mặt tại Công ty, thu chi tiền khi có chứng từ của kế toán đưa sang. Cuối ngày báo cáo tồn quỹ với Kế toán trưởng và đối chiếu thu chi tồn quỹ với Kế toán trưởng.

### **2.1.4.2. Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty**

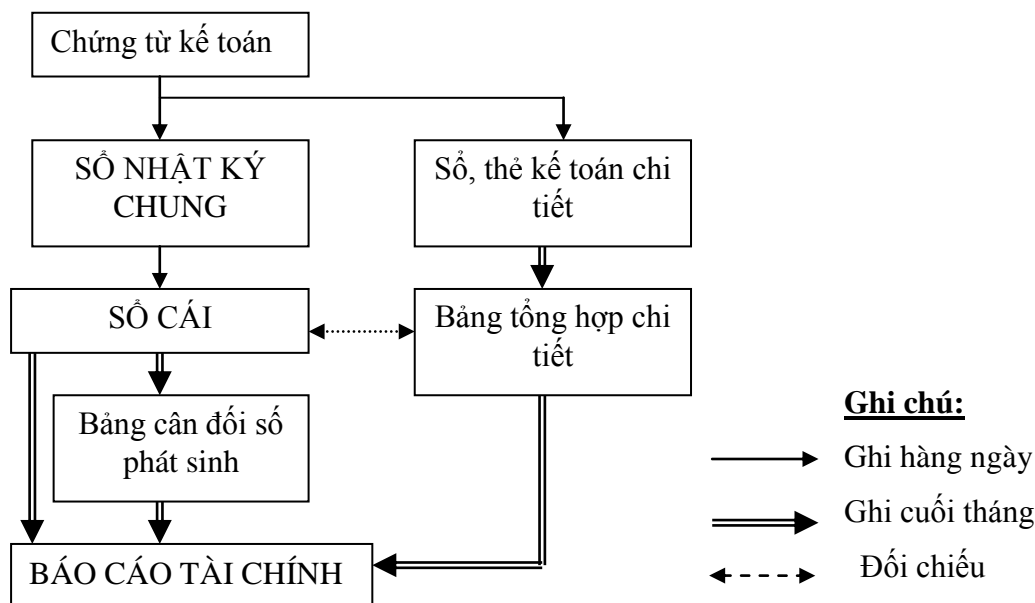
- Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Hình thức kế toán áp dụng: **Nhật ký chung**
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính theo thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.
- Phương pháp tính thuế GTGT: áp dụng theo phương pháp khấu trừ

### **2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán**

Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

#### **2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán**

Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung của công ty được khái quát qua sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán**

#### **2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính**

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty áp dụng theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B09-DN)

### **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt**

#### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

##### **2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty**

Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực gia công cơ khí. Vì vậy, doanh thu của Công ty là doanh thu dịch vụ gia công thuê theo đơn đặt hàng của khách hàng.

**2.2.1.2. Chứng từ sử dụng**

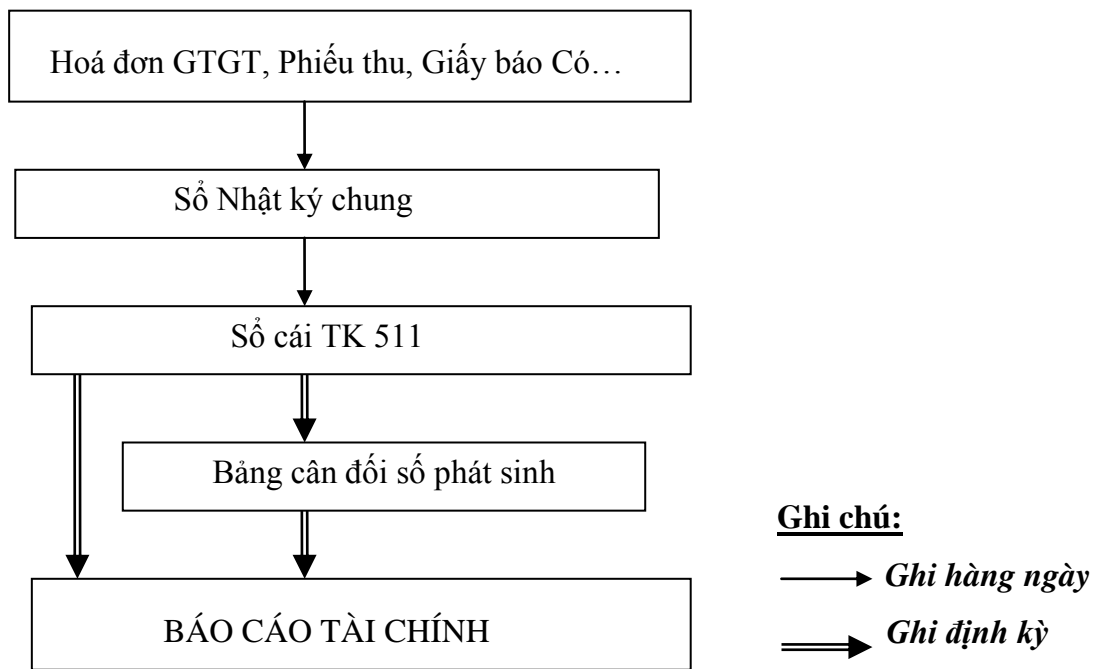
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

**2.2.1.3. Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112, 131,...

**2.2.1.4. Quy trình hạch toán**

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt được khái quát qua sơ đồ 2.4:



**Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Hoá đơn GTGT, Phiếu thu, Giấy báo Có,... kế toán ghi chép các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bán hàng vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung vào Sổ cái TK 511 và các tài khoản liên quan.

Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái được dùng để lập Bảng cân đối phát sinh.

**2.2.1.5. Ví dụ minh họa**

**VD 1:** Ngày 17/12/2012 Công ty nhận gia công linh kiện cho Công ty CP dịch vụ kỹ thuật PHATECO, số tiền 86.650.000đ (chưa bao gồm VAT 10%), chưa thu tiền.

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, kế toán viết Hoá đơn GTGT ký hiệu AA/12P số 0000091 (Biểu số 2.1). Kế toán vào Sổ nhật chung (Biểu số 2.2) và Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.3).

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số : 01 GTKT3/001		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu: AA/12P		
Liên 3: Nội bộ			Số: 0000091		
Ngày 17 tháng 11 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt .....					
Địa chỉ: 350 Tôn Đức Thắng – An Đông – An Dương – Hải Phòng .....					
Số Tài khoản: 110201-000098734-5 Ngân hàng TM CP Công thương Hải Phòng .....					
Điện thoại: 0313.593.298 .....MST: <b>020104617</b>					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: Công ty CP dịch vụ PHATECO .....					
Địa chỉ: Số 308 Văn Cao – Đằng Lâm – Hải An – Hải Phòng .....					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: CK .....MS : 0200686280					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Gia công mẫu thử kéo	Chiếc	236	120.000	28.320.000
2	Gia công mẫu thử uốn	Chiếc	249	90.000	22.410.000
3	Gia công mẫu thử va đập	Chiếc	150	120.000	18.000.000
4	Gia công mẫu thử hoá	Chiếc	168	80.000	13.440.000
5	Gia công mẫu Macro	Chiếc	48	80.000	3.840.000
6	Gia công mẫu độ cứng	Chiếc	5	80.000	400.000
7	Gia công mẫu Z test	Chiếc	3	80.000	240.000
Cộng tiền hàng:					86.650.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền Thuế:		8.665.000
Tổng cộng tiền thanh toán					95.315.000
Số tiền viết bằng chữ: Chín lăm triệu ba trăm mười năm nghìn đồng chẵn.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

### **Biểu số 2.1 – Hoá đơn GTGT số 0000091**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

**Mẫu số: S03a-DNN**  
(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### NHẬT KÝ CHUNG Năm 2012

**ĐVT: Đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
01/12	PC202	01/12	Thanh toán tiền mua ống inox cho Công ty Phúc Thịnh	331 111	2.001.450	2.001.450
01/12	PT198	01/12	Rút TGNH nhập quỹ	111 112	50.000.000	50.000.000
09/12	PC203	09/12	Chi tiền điện thoại T11/2012	6422 133 111	321.698 32.170	353.868
<b>17/12</b>	<b>HĐ0000091</b>	<b>17/12</b>	<b>Gia công cho công ty PHATECO</b>	<b>131 511 3331</b>	<b>95.315.000</b>	<b>86.650.000 8.665.000</b>
26/12	HĐ0000092	26/12	Gia công cho công ty KYOCERA VN	131 511	264.604.830	264.604.830
27/12	HĐ0000093	27/12	Gia công cho công ty TOHOKU VN	131 511	33.914.140	33.914.140
27/12	PT200	27/12	Rút TGNH nhập quỹ	111 112	20.000.000	20.000.000
27/12	GBC27/12	27/12	Công ty TOHOKU thanh toán tiền hàng	112 131	37.916.535	37.916.535
<b>Tổng cộng</b>					<b>7.662.317.188</b>	<b>7.662.317.188</b>

### Biểu số 2.2 – Trích Sổ nhật ký chung



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN  
(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu TK: 511

Năm 2012

**DVT: Đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong quý 4</b>			
			.....			
27/11	HĐ0000089	27/11	Gia công cho công ty KYOCERA VN	131		41.139.295
28/11	HĐ0000090	28/12	Gia công cho công ty Sumida VN	131		24.800.000
			.....			
<b>17/12</b>	<b>HĐ0000091</b>	<b>17/12</b>	<b>Gia công cho công ty PHATECO</b>	<b>131</b>		<b>86.650.000</b>
26/12	HĐ0000092	26/12	Gia công cho công ty KYOCERA VN	131		264.604.830
27/12	HĐ0000093	27/12	Gia công cho công ty TOHOKU VN	131		33.914.140
			.....			
31/12	PKT130	31/12	Kết chuyển doanh thu quý 4	911	1.264.098.676	
			<b>Cộng phát sinh quý 4</b>		<b>1.264.098.676</b>	<b>1.264.098.676</b>

### Biểu số 2.3 – Trích Sổ cái TK 511

**2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán**

**2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán tại Công ty**

Giá vốn hàng bán tại Công ty là trị giá của các vật liệu phụ, nhân công và chi phí khác bằng tiền mua vào để gia công linh kiện cơ khí theo đơn đặt hàng trong kì.

**2.2.2.2. Chứng từ sử dụng**

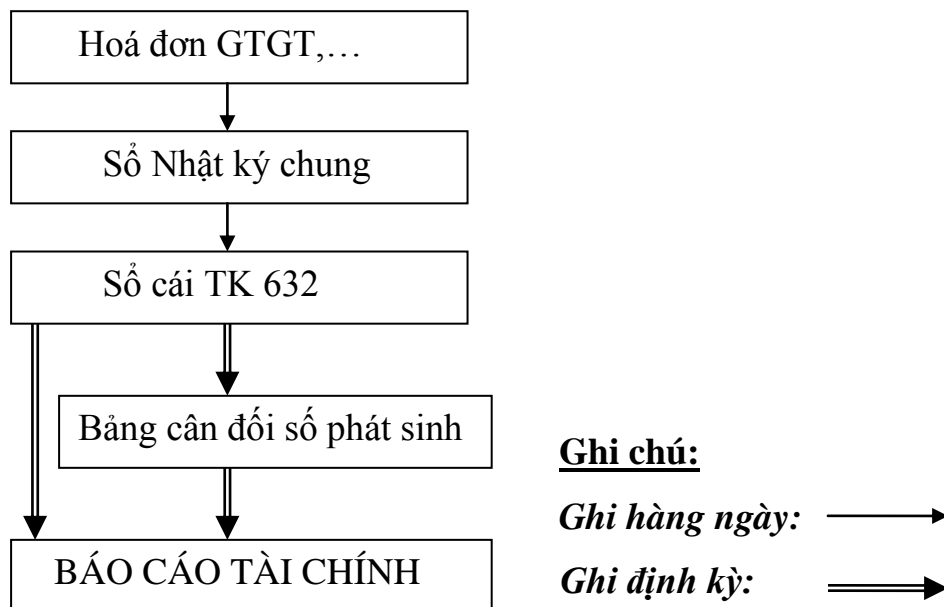
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ,...

**2.2.2.3. Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán
- Tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

**2.2.2.4. Quy trình hạch toán**

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt được khái quát qua sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt**

Hàng ngày, căn cứ vào các Hoá đơn GTGT và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ bán hàng vào Sổ Nhật ký chung. Từ

Sổ Nhật ký chung kế toán ghi chép nghiệp vụ vào Sổ cái TK 632,... Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái được dùng để lập Bảng cân đối phát sinh.

**2.2.2.5. Ví dụ minh họa**

**VD 2.1:** Ngày 27/12/2012 Công ty mua Phay ngón của Cửa hàng Nguyễn Thị Kiểm, số tiền là 6.350.000đ, chưa thanh toán.

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và Hoá đơn 0016271 (Biểu số 2.4), kế toán vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6) và Sổ cái TK 154 (Biểu số 2.7)

**VD 2.2:** Ngày 31/12/2012 kết chuyển giá vốn dịch vụ phát sinh trong quý 4, số tiền là 803.772.483đ.

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên , Kế toán lập Phiếu kế toán số 125 (Biểu số 2.5 ). Từ đó, kế toán vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6), Sổ cái TK 154 (Biểu số 2.7 ) và Sổ cái 632 (Biểu số 2.8 ).

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

<b>HÓA ĐƠN BÁN HÀNG</b>		Mẫu số : 02 GTTT3/001			
Liên 2: Giao người mua		Ký hiệu: 02AE/12P			
Ngày 27 tháng 12 năm 2012		Số: 0016271			
Đơn vị bán hàng: .....		<b>NGUYỄN THỊ KIỂM</b> <b>Cửa hàng số 78 Chợ Sắt – P.Phạm Hồng Thái –</b> <b>Hồng Bàng – Hải Phòng</b> <b>MST: 0200180913 – 4</b>			
Địa chỉ: .....					
Số Tài khoản: .....					
Điện thoại: ..... MST: .....					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt .....					
Địa chỉ: 350 Tôn Đức Thắng – An Đông – An Dương – HP .....					
Số tài khoản: .....					
Hình thức thanh toán: TM/CK .....MS : 0201046170					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Phay ngón 10	cái	10	150.000	1.500.000
2	Phay ngón 12	cái	8	200.000	1.600.000
3	Phay ngón 14	cái	5	250.000	1.250.000
4	Phay ngón 20	cái	5	400.000	2.000.000
Cộng tiền hàng hoá dịch vụ:					6.350.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

**Biểu số 2.4 – Hoá đơn thông thường số 0016271**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

### PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 125

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn dịch vụ quý 4	632	154	<b>803.772.483</b>	
<b>Cộng</b>			<b>803.772.483</b>	

**Người lập**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Biểu số 2.5 – Phiếu kế toán số 125**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

**Mẫu số: S03a-DNN**  
(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### NHẬT KÝ CHUNG Năm 2012

**ĐVT: Đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			.....			
01/12	PC202	01/12	Thanh toán tiền mua ống inox cho Công ty Phúc Thịnh	331 111	2.001.450	2.001.450
01/12	PT198	01/12	Rút TGNH nhập quỹ	111 112	50.000.000	50.000.000
09/12	PC203	09/12	Chi tiền điện thoại T11/2012	6422 133 111	321.698 32.170	353.868
10/12	PC204	10/12	Nộp tiền vào ngân hàng	112 111	20.000.000	20.000.000
			.....			
26/12	HĐ0000092	26/12	Gia công cho công ty KYOCERA VN	131 511	264.604.830	264.604.830
27/12	HĐ0000093	27/12	Gia công cho công ty TOHOKU VN	131 511	33.914.140	33.914.140
<b>27/12</b>	<b>HĐ0016271</b>	<b>27/12</b>	<b>Mua Phay ngón của Nguyễn Thị Kiểm</b>	<b>154 331</b>	<b>6.350.000</b>	<b>6.350.000</b>
29/12	HĐ0016278	29/12	Mua Phay ngón của Nguyễn Thị Kiểm	154 331	19.200.000	19.200.000
			.....			
<b>31/12</b>	<b>PKT125</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển giá vốn dịch vụ quý 4</b>	<b>632 154</b>	<b>803.772.483</b>	<b>803.772.483</b>
			<b>Tổng cộng</b>		<b>7.662.317.188</b>	<b>7.662.317.188</b>

**Biểu số 2.6 – Trích Sổ nhật ký chung**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN  
(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Năm 2012

**DVT: Đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu quý 4		-	
			Số phát sinh trong quý 4			
			.....			
27/12	HD0016271	27/12	Mua Phay ngón của Nguyễn Thị Kiêm	331	6.350.000	
			.....			
31/12	BL12	31/12	Lương trả cho công nhân	334	26.091.700	
31/12	BL12	31/12	Các khoản trích theo lương	338	6.001.091	
31/12	PKT125	31/12	Kết chuyển giá vốn dịch vụ quý 4	632		803.772.483
			Cộng phát sinh quý 4		803.772.483	803.772.483
			Số dư cuối quý 4		-	

**Biểu số 2.7 – Trích Sổ cái TK 154**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

**Mẫu số:S03b-DNN**  
(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Năm 2012

**DVT: Đồng**

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong quý 4</b>			
<b>31/12</b>	<b>PKT125</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển giá vốn dịch vụ quý 4</b>	<b>154</b>	<b>803.772.483</b>	
<b>31/12</b>	<b>PKT131</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển giá vốn XĐKQKD quý 4</b>	<b>911</b>		<b>803.772.483</b>
			<b>Cộng phát sinh trong quý 4</b>		<b>803.772.483</b>	<b>803.772.483</b>

**Biểu số 2.8 – Trích Sổ cái TK 632**



**2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

**2.2.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty**

Chi phí quản lý kinh doanh của Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt bao gồm các khoản chi phí quản lý chung, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận QLDN; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN; chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác,...

**2.2.3.2. Chứng từ sử dụng**

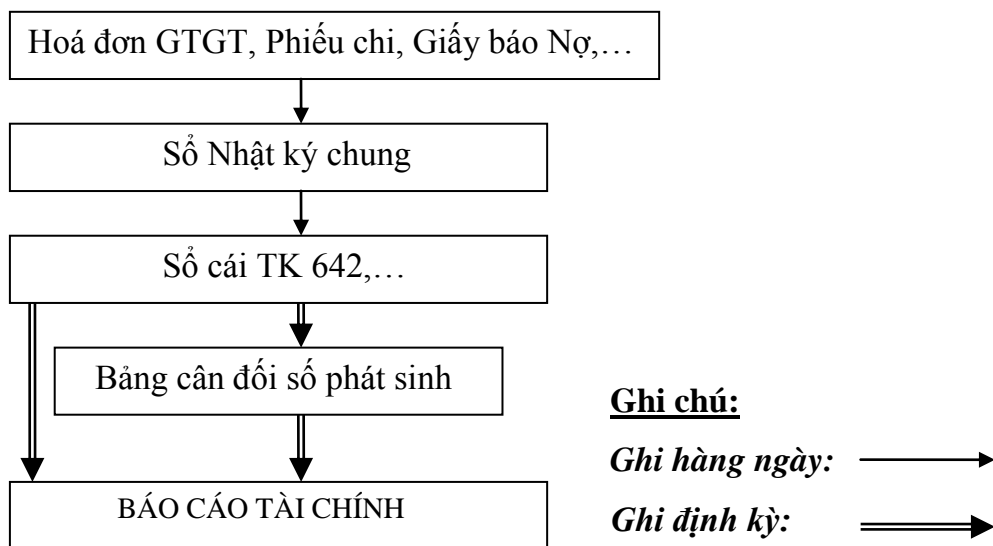
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Hoá đơn GTGT...

**2.2.3.3. Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

**2.2.3.4. Quy trình hạch toán**

Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt được khái quát qua sơ đồ:



**Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt**

Hàng ngày, căn cứ vào Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, Bảng tính và phân bổ khấu hao, Hoá đơn GTGT, ..., kế toán ghi chép các nghiệp vụ

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

liên quan đến Chi phí bán hàng và Chi phí QLDN vào Sổ Nhật ký chung. Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 642,...

Cuối tháng, số liệu trên các Sổ cái của các tài khoản trên được dùng để lập Bảng cân đối phát sinh.

### ***2.2.3.5. Ví dụ minh họa***

**VD 3:** Ngày 09/12/2012 Công ty thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2012 với số tiền là 353.868đ (bao gồm VAT 10%), đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, kế toán từ Hoá đơn GTGT ký hiệu AB/12P số 1358764 (Biểu số 2.9) viết Phiếu chi 203 (Biểu số 2.10), Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.11) và Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.12)

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

**HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)**  
**TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)**

*Liên 2: Giao khách hàng (Customer copy)*

Mẫu số: 01GTKT2/001  
 Ký hiệu (Serial No): AB/12P  
 Số (No): **1358764**

**Mã số thuế: 0200287977**

Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng

Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương – Hồng Bàng – Hải Phòng .....

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt .....

Địa chỉ (Address): 350 Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương .....

Số điện thoại (Tel): 3593287..... Mã số (Code): HPG-05-379947(H\_AHAI\_31) .....

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK..... **MST: 0201046170** .....

STT (NO.)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6=4X5
	Kỳ cước tháng: <b>11/2012</b>				
	a. Bổ sung cước tháng 10/2012 (từ ngày 21/10 đến ngày 31/10)				0
	b. Cước dịch vụ viễn thông tháng 11/2012				321.698
	c. Cước dịch vụ viễn thông không thuế:				0
	d. Chiết khấu + Đa dịch vụ				0
	e. Khuyến mại				0
	f. Trừ tiền đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				0
	(a + b + c + d)	Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):			<b>321.698</b>
	Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (1) =	Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):			<b>32.170</b>
	(1 + 2 + f)	Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1 + 2):			<b>353.868</b>
Số tiền viết bằng chữ (In words): Ba trăm năm mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng					
.....					
...					
				Ngày 09 tháng 12 năm 2012	
			Người nộp tiền (Signature of payer)		
			Nhân viên giao dịch ký (Signature of dealing staff)		

**Biểu số 2.9 – Hoá đơn GTGT số 13587**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

**Mẫu số 02-TT**

*(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

Quyển số .....

Số: 203

### **PHIẾU CHI**

*Ngày 09 tháng 12 năm 2012*

Nợ: TK 6422

Nợ: TK 133

Có: TK 111

Họ và tên người nhận tiền : Bùi Thị Oanh  
Địa chỉ : Phòng Kế toán  
Lý do chi : Chi tiền điện thoại T11/2012

.....  
Số tiền : 353.868

Số tiền viết bằng chữ : Ba trăm năm mươi ba ngàn tám trăm sáu tám đồng  
chẵn .....

Kèm theo : 1 HDGTGT

Đã nhận đủ số tiền : .....

*Ngày 09 tháng 12 năm 2012*

<b>Giám đốc</b> <i>(ký, họ tên)</i>	<b>Kế toán trưởng</b> <i>(ký, họ tên)</i>	<b>Người nhận tiền</b> <i>(ký, họ tên)</i>	<b>Người lập biểu</b> <i>(ký, họ tên)</i>	<b>Thủ quỹ</b> <i>(ký, họ tên)</i>
--	--	---	--	---------------------------------------

**Biểu số 2.10 – Phiếu thu số 203**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

**Mẫu số: S03a-DNN**  
(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### NHẬT KÝ CHUNG Năm 2012

ĐVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
01/12	PC202	01/12	Thanh toán tiền mua ống inox cho Công ty Phúc Thịnh	331 111	2.001.450	2.001.450
01/12	PT198	01/12	Rút TGNH nhập quỹ	111 112	50.000.000	50.000.000
<b>09/12</b>	<b>PC203</b>	<b>09/12</b>	<b>Chi tiền điện thoại T11/2012</b>	<b>6422 133 111</b>	<b>321.698 32.170</b>	<b>353.868</b>
10/12	PC204	10/12	Nộp tiền vào ngân hàng	112 111	20.000.000	20.000.000
26/12	HĐ0000092	26/12	Gia công cho công ty KYOCERA VN	131 511	264.604.830	264.604.830
27/12	HĐ0000093	27/12	Gia công cho công ty TOHOKU VN	131 511	33.914.140	33.914.140
27/12	HĐ0016271	27/12	Mua Phay ngón của Nguyễn Thị Kiểm	154 331	6.350.000	6.350.000
29/12	HĐ0016272	29/12	Mua Phay ngón của Nguyễn Thị Kiểm	154 331	19.200.000	19.200.000
31/12	PKT125	31/12	Kết chuyển giá vốn dịch vụ quý 4	632 154	803.772.483	803.772.483
<b>Tổng cộng</b>					<b>7.662.317.188</b>	<b>7.662.317.188</b>

**Biểu số 2.11 – Trích Sổ nhật ký chung**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

**Mẫu số:S03b-DNN**  
(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Năm 2012

**DVT: Đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong quý 4</b>			
			.....			
<b>09/12</b>	<b>PC203</b>	<b>09/12</b>	<b>Trả tiền điện thoại T11/2012</b>	<b>111</b>	<b>321.698</b>	
18/12	PC208	18/12	Trả tiền cước internet T11/2012	111	396.364	
			.....			
31/12	PKT131	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD quý 4	911		201.447.349
			<b>Cộng phát sinh trong quý 4</b>		<b>201.447.349</b>	<b>201.447.349</b>

**Biểu số 2.12 – Trích Sổ cái TK 642**

**2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**2.2.4.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

Tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt, doanh thu hoạt động tài chính gồm có lãi tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận được chia,...

Trong năm 2012, Công ty không phát sinh các khoản chi phí tài chính.

**2.2.4.2. Chứng từ sử dụng**

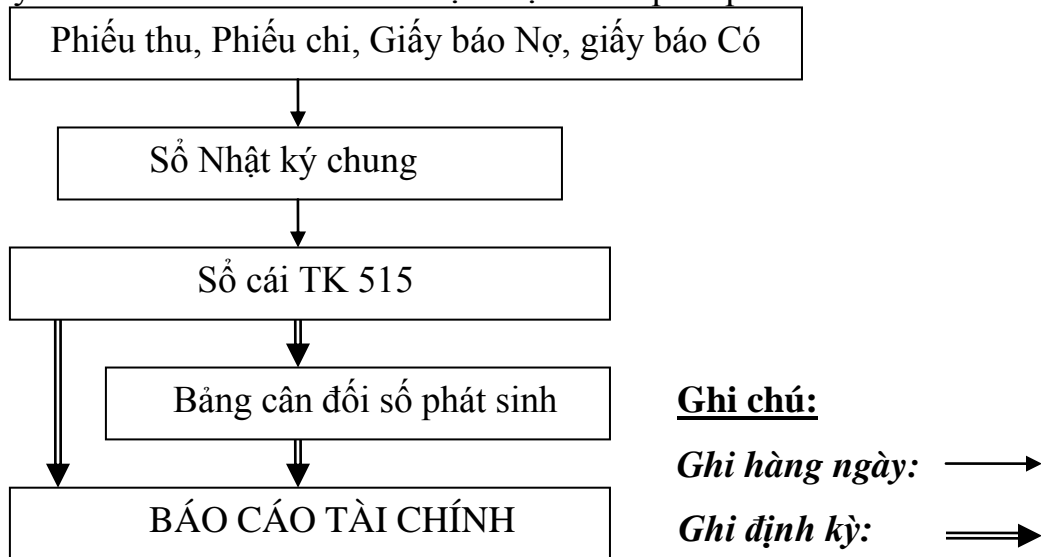
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Các chứng từ khác có liên quan

**2.2.4.3. Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

**2.2.4.4. Quy trình hạch toán**

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt được khái quát qua sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí tài chính tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt**

Hàng ngày, căn cứ vào Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy báo Nợ, Giấy báo Có,... kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến Doanh thu hoạt động tài chính và Chi phí tài chính vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái của các

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

tài khoản liên quan. Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái các tài khoản đó được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh.

### **2.2.4.5. Ví dụ minh họa**

**VD 4:** Ngày 31/12/2012, Ngân hàng TMCP Công Thương VN trả lãi tiền gửi tháng 12 năm 2012, số tiền 122.693đ.

Kế toán căn cứ vào Giấy báo Có của ngân hàng (Biểu số 2.13) để ghi Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.14) và Sổ cái TK 515 (Biểu số 2.15).

<b>NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN VIETIN BANK</b>
--

<b>Mã GDV: Mã KH : 10366</b>
----------------------------------

### **GIẤY BÁO CÓ**

*Ngày : 31/12/2012*

*Kính gửi : CTY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT*

*Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:*

*Số tài khoản ghi Có : 102010000987345*

*Số tiền bằng số: 122.693*

*Số tiền bằng chữ: Một trăm hai hai nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng*  
chẵn.

*Nội dung : #Lãi nhập vốn#*

**GIAO DỊCH VIÊN**  
(Ký, họ tên)

**KIỂM SOÁT**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.13 – Giấy báo Có của Ngân hàng**



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

**Mẫu số: S03a-DNN**  
(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### NHẬT KÝ CHUNG Năm 2012

**DVT: Đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			.....			
01/12	PC202	01/12	Thanh toán tiền mua ống inox cho Công ty Phúc Thịnh	331 111	2.001.450	2.001.450
01/12	PT198	01/12	Rút TGNH nhập quỹ	111 112	50.000.000	50.000.000
09/12	PC203	09/12	Chi tiền điện thoại T11/2012	6422 133 111	321.698 32.170	353.868
10/12	PC204	10/12	Nộp tiền vào ngân hàng	112 111	20.000.000	20.000.000
			.....			
26/12	HĐ0000092	26/12	Gia công cho công ty KYOCERA VN	131 511	264.604.830	264.604.830
27/12	HĐ0000093	27/12	Gia công cho công ty TOHOKU VN	131 511	33.914.140	33.914.140
27/12	PT200	27/12	Rút TGNH nhập quỹ	111 112	20.000.000	20.000.000
27/12	GBC2712	27/12	Công ty TOHOKU thanh toán tiền hàng	112 131	37.916.535	37.916.535
<b>31/12</b>	<b>GBC3112</b>	<b>31/12</b>	<b>Lãi tiền gửi T12/2012</b>	<b>112 515</b>	<b>122.693</b>	<b>122.693</b>
			.....			
			<b>Tổng cộng</b>		<b>7.662.317.188</b>	<b>7.662.317.188</b>

**Biểu số 2.14 – Trích Sổ nhật ký chung**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN  
(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Năm 2012

**DVT: Đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong quý 4</b>			
30/11	GBC3011	30/11	NH trả lãi tiền gửi T11	112		121.934
<b>31/12</b>	<b>GBC3112</b>	<b>31/12</b>	<b>NH trả lãi tiền gửi T12</b>	<b>112</b>		<b>122.693</b>
31/12	PKT130	31/12	Kết chuyển doanh thu hế t/c quý 4	911	1.218.511	
			<b>Cộng phát sinh trong quý 4</b>		<b>1.218.511</b>	<b>1.218.511</b>

**Biểu số 2.15 – Trích Sổ cái TK 515**

**2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

Trong năm 2012, Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt không phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến thu nhập khác và chi phí khác.

**2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

**2.2.6.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

**2.2.6.2. Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 821 – Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Chi tiết: + Tài khoản 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

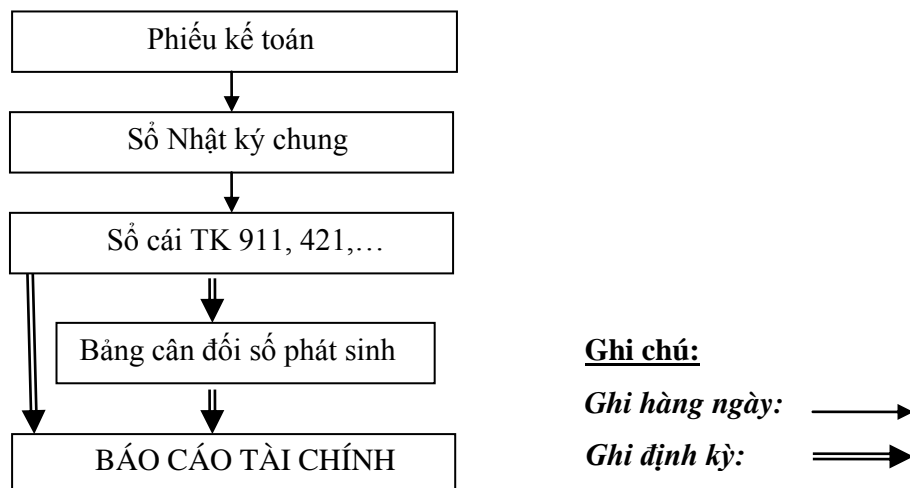
+ Tài khoản 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

**2.2.6.3. Quy trình hạch toán**

Cuối quý, kế toán lập các Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Căn cứ vào các Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Căn cứ vào các Phiếu kế toán, các nghiệp vụ trên được ghi vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái của các tài khoản liên quan. Số liệu trên Sổ cái của các tài khoản trên được phản ánh vào Bảng cân đối phát sinh.



**Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty**

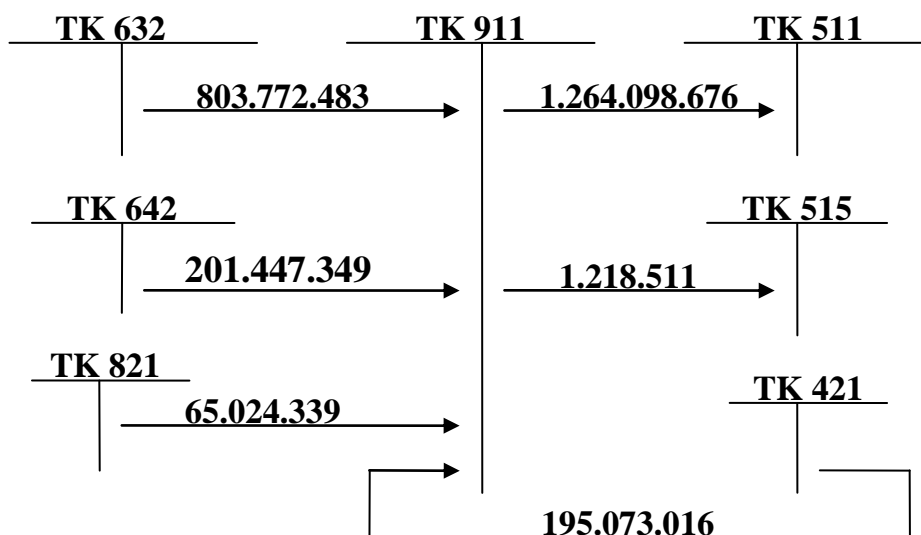
**TNHH khuôn mẫu Minh Đạt**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

### 2.2.6.4. Ví dụ minh họa

**VD 5:** Ngày 31/12/2012, Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh quý 4 năm 2012.

Các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí có thể được khái quát qua sơ đồ sau:



### CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT

Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

### PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 130

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c doanh thu bán hàng trong kỳ	511	911	1.264.098.676	
K/c doanh thu hđ tài chính trong kỳ	515	911	1.218.511	
<b>Cộng</b>			<b>1.265.317.187</b>	

**Người lập**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

### Biểu 2.16 – Phiếu kế toán 130

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT

Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

### PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 131

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c giá vốn hàng bán trong kỳ	911	632	803.772.483	
K/c chi phí quản lý KD trong kỳ	911	642	201.447.349	
<b>Cộng</b>			<b>1.005.219.832</b>	

**Người lập**

*(ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(ký, họ tên)*

### Biểu số 2.17 – Phiếu kế toán 131

CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT

Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

### PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 132

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định thuế TNDN trong kỳ	821	3334	65.024.339	
<b>Cộng</b>			<b>65.024.339</b>	

**Người lập**

*(ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(ký, họ tên)*

### Biểu số 2.18 – Phiếu kế toán số 132

## KHOẢ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

**CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**

Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

### PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 133

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c chi phí thuế TNDN trong kỳ	911	821	65.024.339	
<b>Cộng</b>			<b>65.024.339</b>	

**Người lập**

*(ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(ký, họ tên)*

**Biểu số 2.19 – Phiếu kế toán số 133**

**CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**

Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

### PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 134

Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c LNST trong kỳ	911	421	195.073.016	
<b>Cộng</b>			<b>195.073.016</b>	

**Người lập**

*(ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(ký, họ tên)*

**Biểu số 2.20 – Phiếu kế toán số 134**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

**Mẫu số: S03a-DNN**  
(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### NHẬT KÝ CHUNG Năm 2012

**DVT: Đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
01/12	PC202	01/12	Thanh toán tiền mua ống inox cho công ty Phúc Thịnh	331 111	2.001.450	2.001.450
01/12	PT198	01/12	Rút TGNH nhập quỹ	111 112	50.000.000	50.000.000
<b>31/12</b>	<b>PKT130</b>	<b>31/12</b>	<b>K/c doanh thu bán hàng quý 4 K/c doanh thu hđ tài chính quý 4</b>	<b>511 515 911</b>	<b>1.264.098.676 1.218.511</b>	<b>1.265.317.187</b>
<b>31/12</b>	<b>PKT131</b>	<b>31/12</b>	<b>K/c giá vốn hàng bán quý 4 K/c chi phí quản lý kinh doanh quý 4</b>	<b>911 632 642</b>	<b>1.005.219.832</b>	<b>803.772.483 201.447.349</b>
<b>31/12</b>	<b>PKT132</b>	<b>31/12</b>	<b>Xác định thuế TNDN</b>	<b>821 3334</b>	<b>65.024.339</b>	<b>65.024.339</b>
<b>31/12</b>	<b>PKT133</b>	<b>31/12</b>	<b>K/c thuế TNDN</b>	<b>911 821</b>	<b>65.024.339</b>	<b>65.024.339</b>
<b>31/12</b>	<b>PKT134</b>	<b>31/12</b>	<b>K/c lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>911 421</b>	<b>195.073.016</b>	<b>195.073.016</b>
			<b>Tổng cộng</b>		<b>7.662.317.188</b>	<b>7.662.317.188</b>

**Biểu số 2.21 – Trích Sổ nhật ký chung**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN  
(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI

Tên TK: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Số hiệu: 911

Năm 2012

ĐVT: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong quý 4</b>			
31/12	PKT130	31/12	K/c doanh thu bán hàng quý 4	511		1.264.098.676
			K/c doanh thu hđ tài chính quý 4	515		1.218.511
31/12	PKT131	31/12	K/c giá vốn hàng bán quý 4	632	803.772.483	
			K/c chi phí QLKD quý 4	642	201.447.349	
31/12	PKT133	31/12	K/c chi phí thuê TNDN quý 4	821	65.024.339	
31/12	PKT134	31/12	K/c lãi quý 4	421	195.073.016	
			<b>Cộng phát sinh trong quý 4</b>		<b>1.265.317.187</b>	<b>1.265.317.187</b>

Biểu số 2.22 – Trích Sổ cái TK 911



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DNN  
(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Năm 2012

**ĐVT: Đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Phát sinh trong quý 4</b>			
31/12	PKT132	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN	3334	65.024.339	
31/12	PKT133	31/12	K/c chi phí thuế TNDN quý 4	911		65.024.339
			<b>Cộng phát sinh trong quý 4</b>		<b>65.024.339</b>	<b>65.024.339</b>

**Biểu số 2.23 – Trích Sổ cái TK 821**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

**Mẫu số:S03b-DNN**  
(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Năm 2012

**ĐVT: Đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu quý 4</b>			424.211.856
			<b>Số phát sinh trong quý 4</b>			
31/12	PKT134	31/12	K/c lãi quý 4	911		195.073.016
			<b>Cộng phát sinh trong quý 4</b>		-	195.073.016
			<b>Số dư cuối quý 4</b>			<b>619.284.872</b>

**Biểu số 2.24 – Trích Sổ cái TK 421**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: B02 – DNN  
Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Quý 4 năm 2012

**ĐVT: Đồng**

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Số quý này	Số quý trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.264.098.676	1.098.345.767
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	<b>10</b>	<b>1.264.098.676</b>	<b>1.098.345.767</b>
4	Giá vốn hàng bán	11	803.772.483	731.986.803
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>	<b>460.326.193</b>	<b>366.358.964</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.218.511	1.450.268
7	Chi phí tài chính	22	-	-
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-	-
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24	201.447.349	202.193.424
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+21-22-24)</b>	<b>30</b>	<b>259.351.280</b>	<b>165.615.808</b>
10	Thu nhập khác	31	-	-
11	Chi phí khác	32	-	-
<b>12</b>	<b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>13</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>	<b>259.351.279</b>	<b>165.615.808</b>
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	65.024.339	41.403.952
<b>15</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)</b>	<b>60</b>	<b>195.073.016</b>	<b>124.211.856</b>

**Biểu số 2.25 – Báo cáo kết quả kinh doanh quý 4 năm 2012**

**CHƯƠNG III:**

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC  
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH  
DOANH TẠI CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**

**3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt**

Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt là một doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường, có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh.

Trong nền kinh tế thị trường đang diễn ra gay gắt giữa các thành phần kinh tế, các lĩnh vực kinh tế khác nhau, nhiều công ty không đứng vững dẫn đến phá sản, giải thể. Do nhận thức kịp thời chuyển động của nền kinh tế và phân tích đúng đắn nhu cầu của thị trường, công ty đã có những phương hướng, những giải pháp kinh tế hiệu quả khắc phục những khó khăn và phát huy những thế mạnh mà công ty đang có để bắt kịp được với sự phát triển của nền kinh tế trong nước cũng như quốc tế.

Công ty đã đẩy mạnh tìm kiếm thị trường tiêu thụ, mở rộng hoạt động kinh doanh cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ công nhân viên. Doanh thu hàng năm của công ty đã tăng lên rõ rệt. Công ty có thể tồn tại và phát triển được là do sự vươn lên không ngừng đổi mới của công ty mà trước hết là do sự năng động sáng tạo của ban giám đốc, của bộ máy tổ chức công ty và sự đoàn kết đồng lòng của cán bộ công nhân viên trong công ty.

Qua một thời gian thực tập và tìm hiểu về công ty, được tiếp xúc với thực tế công tác quản lý kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, cùng với sự giúp đỡ của công ty và nhân viên phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em thực tập và làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức đã học trong nhà trường. Qua đây em cũng xin mạnh đưa ra một số ý kiến nhận xét và kiến nghị về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

### 3.1.1. Ưu điểm

Trong điều kiện khắc nghiệt của cơ chế thị trường công ty đã đứng vững và càng ngày càng khẳng định vai trò của mình trong lĩnh vực gia công linh kiện phục vụ nhu cầu trong và ngoài nước. Công ty đã có những phương án kinh doanh tích cực nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo đời sống cho người lao động trong công ty.

Trong quá trình thực tập, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt có những ưu điểm như sau:

#### ❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

Việc tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung có nhiều ưu điểm. Các nhân viên kế toán luôn đảm bảo việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các phân hành, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán. Kế toán trưởng đã kịp thời theo dõi chính xác tình hình biến động của hàng hoá, của giá cả hàng hoá và xu hướng hàng hoá trên thị trường, tính toán chính xác thu nhập và chi phí phát sinh của các hoạt động bán hàng cũng như hoạt động tài chính và các hoạt động khác. Thực hiện nghiêm túc các chính sách Nhà nước về các khoản nộp. Tiến hành quản lý hạch toán với từng khách hàng xác định được kết quả kinh doanh vào nhiều thời điểm trong năm tài chính.

Với mô hình này, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty sẽ dễ thực hiện và theo dõi hơn. Đồng thời, ban lãnh đạo cũng nhanh chóng, dễ dàng nắm được tình hình hoạt động của toàn công ty, trên cơ sở đó có thể quản lý và đề ra các chiến lược sản xuất, kinh doanh phù hợp trong các kỳ tiếp theo. Mặt khác, các cơ quan quản lý, ngân hàng,... cũng có thể nắm bắt được các thông tin về Công ty để thuận tiện cho việc quản lý, giám sát hay có thể bảo vệ quyền lợi của họ.

Các thành viên trong phòng kế toán đều có trình độ và năng lực cao, giàu kinh nghiệm, có trách nhiệm với công việc, nhiệt tình. Các thành viên đều được phân công công việc rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chuyên môn của mỗi người, tạo điều kiện chuyên môn hoá công việc.

### **❖ Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán**

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006.

Về cơ bản, công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán theo đúng quy định của Bộ tài chính.

Tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt, mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh có đầy đủ chứng từ liên quan, đảm bảo cho công tác kế toán được thực hiện đúng đắn và việc kiểm tra, đối chiếu số liệu diễn ra dễ dàng, chính xác.

### **❖ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán**

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức kế toán khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán.

### **❖ Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Về công tác kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác, đầy đủ. Từ đó, góp phần giúp cho kết quả kinh doanh được xác định một cách hợp lý, cung cấp thông tin một cách chính xác nhất cho ban lãnh đạo của Công ty.

Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một chỉ tiêu mà các nhà quản lý luôn luôn quan tâm và tìm mọi cách để giảm thiểu chi phí, nâng cao lợi nhuận. Mọi chi phí phát sinh trong kỳ đều được công ty quản lý một cách chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần thiết.

Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty. Các kế toán, đặc biệt là kế toán trưởng rất có trách nhiệm với công việc, kết quả kinh doanh luôn được họ tính toán một cách chính xác theo đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành, qua đó phản ánh xác thực hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

### 3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán tại công ty cũng khó tránh khỏi một số hạn chế. Sau đây là hạn chế của Công ty :

#### ❖ Về hình thức kế toán

Hiện nay, kế toán của Công ty vẫn áp dụng kế toán thủ công dùng trên Excel tuy có thể tiết kiệm thời gian song đôi khi vẫn có sự nhầm lẫn về số liệu, gây ra nhiều sai sót không đáng có. Chính vì vậy Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán, phần mềm sẽ giúp kế toán hạch toán chính xác hơn và tự động tính toán và thực hiện các bút toán kết chuyển vừa đảm bảo tính chính xác và kịp thời.

#### ❖ Về hệ thống sổ kế toán

Hiện nay để theo dõi về giá thành (giá vốn) dịch vụ công ty mở Sổ cái 154 trong đó chưa theo dõi được các khoản mục chi phí cấu thành nên giá thành dịch vụ (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung). Bên cạnh đó công ty mở sổ cái TK 642 để theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp trong đó chưa theo dõi được các yếu tố chi phí. Công ty nên mở sổ chi tiết cho TK 154 và 642 để theo dõi chi tiết và cụ thể hơn các khoản mục và yếu tố chi phí.

Kế toán không mở sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) và bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán). Mục đích của hai loại sổ này giúp kế toán dễ dàng theo dõi tình hình công nợ của khách hàng đối với công ty cũng như công nợ của công ty đối với nhà cung cấp. Điều này cũng giúp cho ban lãnh đạo công ty dễ dàng nắm bắt được tình hình công nợ phải thu hoặc nợ phải trả của công ty như thế nào để từ đó đề ra các chính sách, các giải pháp phù hợp, kịp thời.

#### ❖ Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Hiện nay, Công ty có một số khách hàng đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty vẫn chưa trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi điều này có thể dẫn đến thất thoát tài chính của công ty dẫn đến công ty không có nguồn vốn để xoay vòng, mở rộng sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ.

### ❖ Về quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán

Về cơ bản, mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa các phòng ban đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có phiếu giao nhận chứng từ, vì thế khi xảy ra mất mát chứng từ thì không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

### **3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt**

#### **3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình lỗ lãi thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy, việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cung cấp số liệu chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành từ đó giúp kế toán lập báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước như thế nào và có đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí nhằm tăng lợi nhuận. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa rất quan trọng.



### **3.2.2. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt**

- Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế, tài chính doanh nghiệp mà còn có sự hiểu biết về phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị và lập các báo cáo tài chính. Hơn nữa, nhân viên kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho chỉ đạo quá trình kinh doanh.

- Thực hiện đúng chế độ nhà nước ban hành

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học, phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

### **3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt**

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán công ty. Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nghiên cứu tình hình thực tế cũng như các vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty như sau:

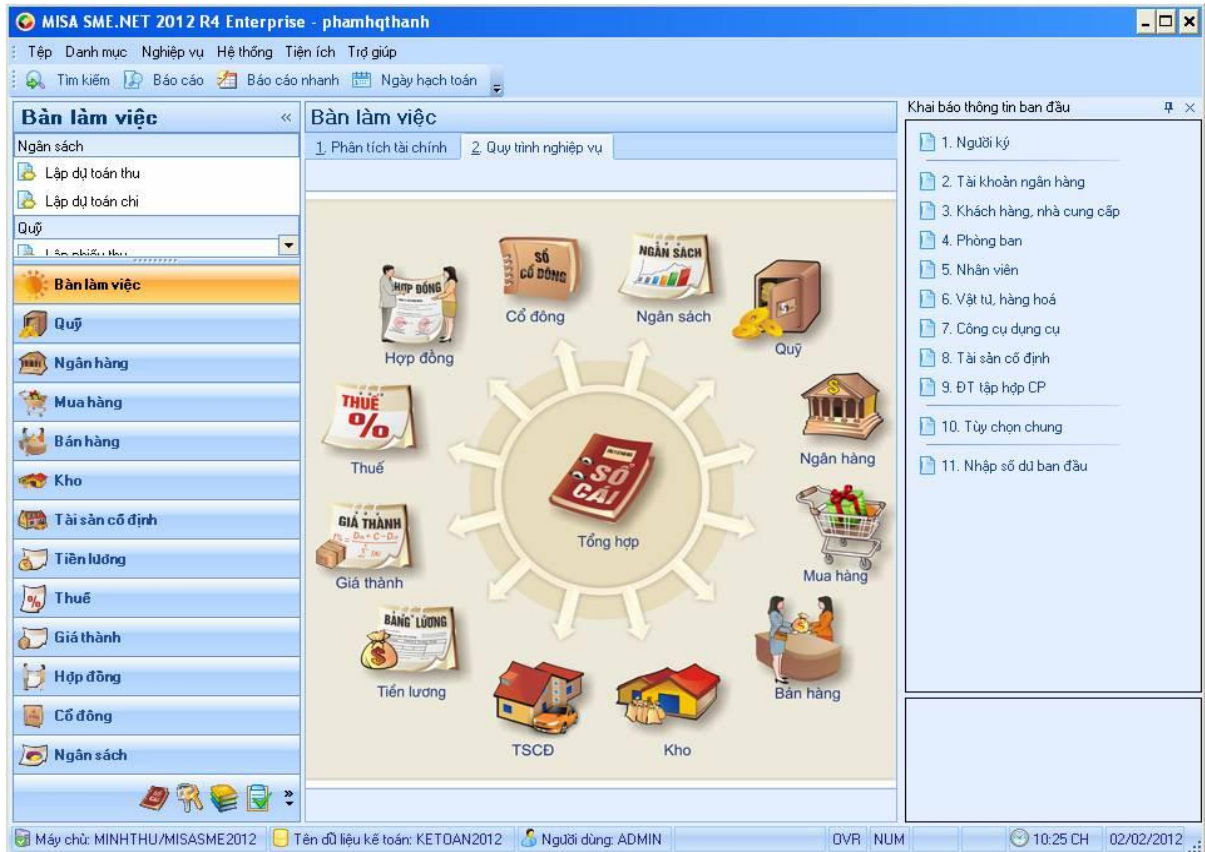
#### **3.2.3.1. Hiện đại hoá công tác kế toán**

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán bằng việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam – KTVN, FAST, SASINNOVA,... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

điểm của công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán giúp kế toán đưa ra các báo cáo chính xác, nhanh chóng nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng. Sau đây em xin giới thiệu qua về 2 phần mềm kế toán khá phổ biến ở Việt Nam:

### ❖ Phần mềm kế toán MISASME.NET 2012



**Giá của phần mềm MISA 2012: 9.950.000đ/bản**

#### **Ưu điểm:**

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hoá đơn cùng một phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.
- Đặc biệt, phần mềm kế toán MISA cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một CSDL độc lập.

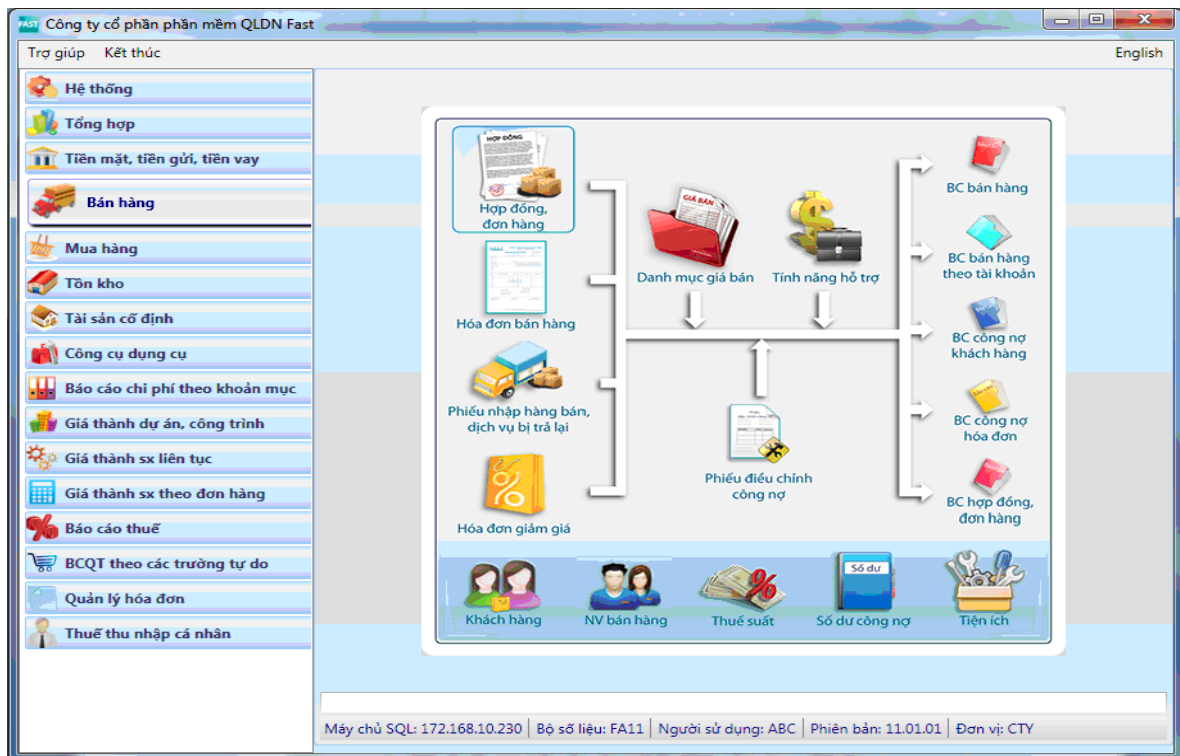
## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được là thao tác Lưu và Ghi sổ dữ liệu.
- Tính chính xác: số liệu tính toán trong MISA rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.
- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữa nguyên bản quyền ( trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

### Nhược điểm:

- Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.
- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.
- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.
- Các báo cáo khi kết xuất ra excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

### ❖ Phần mềm kế toán FAST



**Giá của phần mềm FAST: 10.000.000đ/bản**

### Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống như MISA, FAST có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

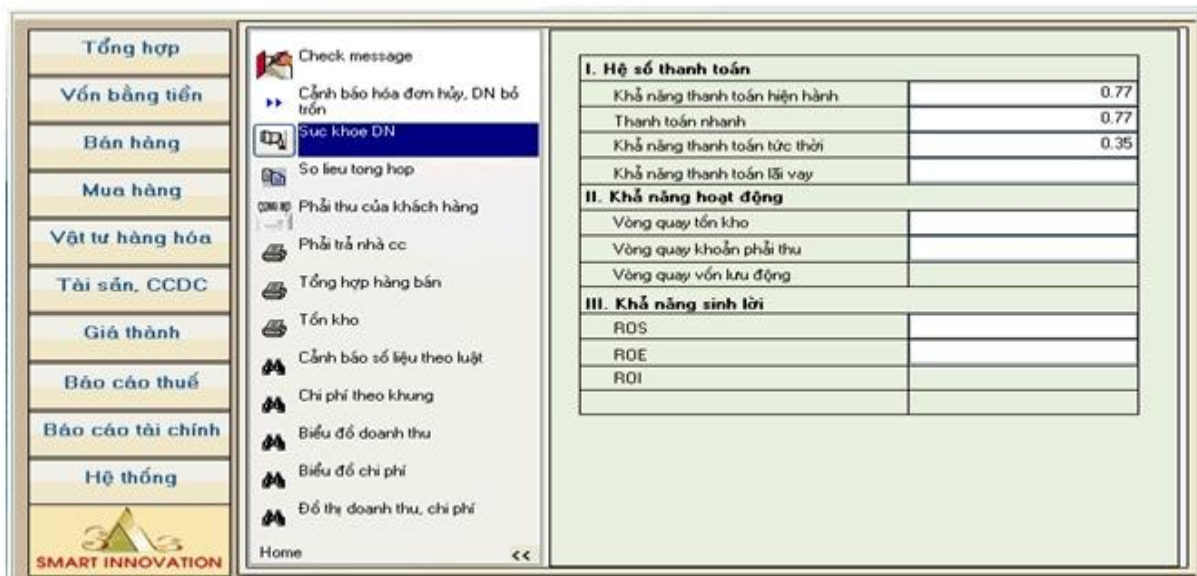
- Tốc độ xử lý nhanh.
- Cho phép kết xuất ra excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

### Nhược điểm:

- Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể).

- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

### ❖ Phần mềm kế toán SASINNOVA 8.0



Giá của phần mềm SASINNOVA 8.0: 10.000.000đ/bản

### Ưu điểm:

- Có hệ thống cảnh báo phục vụ quản trị và điều hành, dễ dàng nâng cấp lên phần mềm kế toán chạy online.

- Khả năng sử dụng hai ngôn ngữ Anh – Việt song song.
- Độ bảo mật cao, ổn định khi chạy, tốc độ xử lý dữ liệu nhanh.
- Giải pháp thực hiện công việc kế toán, thuế; có khả năng cảnh báo sớm các sai sót nhằm giảm thiệt hại cho bản thân và doanh nghiệp.

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Phần mềm phát hiện những tín hiệu thành công sớm trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Trợ giúp cho BGD, các Trưởng phòng và bản thân người sử dụng nắm được những cảnh báo quan trọng liên quan đến tiền, hàng và tình trạng các hoạt động bằng email, tin nhắn trong hệ thống nội bộ.
- Phát hiện sớm các doanh nghiệp bỏ trốn, hoá đơn đầu vào của doanh nghiệp bỏ trốn nhằm tránh những rủi ro không đáng có.

### Nhược điểm:

- Vì có SQL nên đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.
- Các báo cáo khi kết xuất ra excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

Phổ biến nhất là phần mềm kế toán MISA. Đối với Công ty thì MISASME.NET 2012 là sản phẩm phù hợp. Sản phẩm này được phát triển trên nền tảng .NET hiện đại nhất của Microsoft, tích hợp hàng loạt những tính năng ưu việt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý, kế toán của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Theo em, Công ty nên dùng phần mềm MISA 2012 vì phần mềm này có giá cả phải chăng, đầy đủ các phân hành kế toán phù hợp với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

### **3.2.3.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty**

Hiện nay để theo dõi về giá thành (giá vốn) dịch vụ công ty mở Sổ cái 154 trong đó chưa theo dõi được các khoản mục chi phí cấu thành nên giá thành dịch vụ (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung). Bên cạnh đó công ty mở sổ cái TK 642 để theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp trong đó chưa theo dõi được các yếu tố chi phí. Công ty nên mở sổ chi tiết cho TK 154 và 642 để theo dõi chi tiết và cụ thể hơn các khoản mục và yếu tố chi phí.

Kế toán không mở sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) và bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán). Mục đích của hai loại sổ này giúp kế toán dễ dàng theo dõi tình hình công nợ của khách hàng đối với công ty

## **KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

cũng như công nợ của công ty đối với nhà cung cấp. Điều này cũng giúp cho ban lãnh đạo công ty dễ dàng nắm bắt được tình hình công nợ phải thu hoặc nợ phải trả của công ty như thế nào để từ đó đề ra các chính sách, các giải pháp phù hợp, kịp thời.

Công ty nên sử dụng các mẫu Sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. (Biểu 3.1)

Lấy lại ví dụ ở phần giá vốn hàng bán và ví dụ phần quản lý kinh doanh từ đó kế toán ghi sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu số 3.2 và Biểu số 3.3).

Công ty nên mở Sổ chi tiết thanh toán với người mua và Bảng tổng hợp thanh toán với người mua (Từ Biểu số 3.4 đến biểu 3.6)

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

**Mẫu số: S18-DNN**  
(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các tài khoản : 154, 631, 642, 632, 142, 242)

Tài khoản :

Tên sản phẩm, dịch vụ:

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản						
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7
			- Số dư đầu kỳ								
			- Số phát sinh trong kỳ								
			- Cộng phát sinh trong kỳ								
			- Ghi Có TK...								
			- Số dư cuối kỳ								

**Biểu số 3.1 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

**Mẫu số: S18-DNN**  
(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản : 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Tên sản phẩm, dịch vụ:

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK 154				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
						NVTTC	NCTT	SXC	
A	B	C	D	E	1	2	3		
			- Số dư đầu kỳ		-				
			- Số phát sinh trong kỳ						
			.....						
27/12	HĐ0016271	27/12	Mua Phay ngón	331	6.350.000	6.350.000			
31/12	BL12	31/12	Lương của công nhân gia công	334	26.091.700		26.091.700		
31/12	BL12	31/12	Các khoản trích theo lương	338	6.001.091		6.001.091		
			.....						
			- Cộng phát sinh trong kỳ		<b>803.772.483</b>				
			- Ghi Có TK 154		<b>803.772.483</b>				
			- Số dư cuối kỳ		-				

**Biểu số 3.2 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh tài khoản 154**



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: S18-DNN  
(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Tên sản phẩm, dịch vụ:

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK 642							
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra						
						Lương	Vật liệu	CCDC	Khấu hao	.....	Dịch vụ mua ngoài	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	
			- Số dư đầu kỳ		-							
			- Số phát sinh trong kỳ									
			.....									
09/12	PC203	09/12	Trả tiền cước điện thoại	111	321.698							321.698
12/12	PC207	12/12	Trả cước internet	111	396.364							396.364
			.....									
			- Cộng phát sinh trong kỳ		201.447.349							
			- Ghi Có TK 642		201.447.349							
			- Số dư cuối kỳ		-							

**Biểu số 3.3 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh tài khoản 642**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

**Mẫu số: S13-DNN**  
(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản:

Tên TK:

Đối tượng:

Năm

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn Chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Cộng phát sinh						
			Số dư cuối kỳ						

**Biểu 3.4 – Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán)**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: S13-DNN  
(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản: 131

Tên TK: Phải thu của khách hàng

Đối tượng: Công ty CP dịch vụ PHATECO

Năm: 2012

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ					-	
17/12	HĐ0000091	17/12	Gia công linh kiện	511		86.650.000		86.650.000	
17/12	HĐ0000091	17/12	Gia công linh kiện	3331		8.665.000		95.315.000	
			Cộng phát sinh			95.315.000			
			Số dư cuối kỳ					95.315.000	

**Biểu 3.5 – Sổ chi tiết thanh toán với công ty CP dịch vụ PHATECO**



### **3.2.3.3. Hoàn thiện việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi**

Hiện nay, Công ty có một số khách hàng đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty vẫn chưa trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi điều này có thể dẫn đến thất thoát tài chính của công ty dẫn đến công ty không có nguồn vốn để xoay vòng, mở rộng sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ.

#### **❖ Cơ sở của việc lập dự phòng:**

Việc giải quyết tình trạng chiếm dụng vốn đang là một vấn đề nan giải của nhiều nhà quản lý. Trong khi công ty cần vốn để đáp ứng đúng tiến độ, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cao, mở rộng mặt hàng kinh doanh vậy mà công ty lại bị chiếm dụng vốn.

Việc khách hàng chiếm dụng vốn khiến doanh nghiệp không có lượng tiền nhiều để mở rộng sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ điều này có ảnh hưởng xấu đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

#### **❖ Nội dung của việc lập dự phòng:**

Công ty phải theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên các báo cáo tài chính của năm báo cáo. Dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào tài khoản 1592 – Dự phòng phải thu khó đòi.

✓ Theo quy định hiện hành thì các khoản phải thu được coi là khoản phải thu khó đòi phải có các bằng chứng chủ yếu sau:

- Số tiền phải thu theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi.

- Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ.

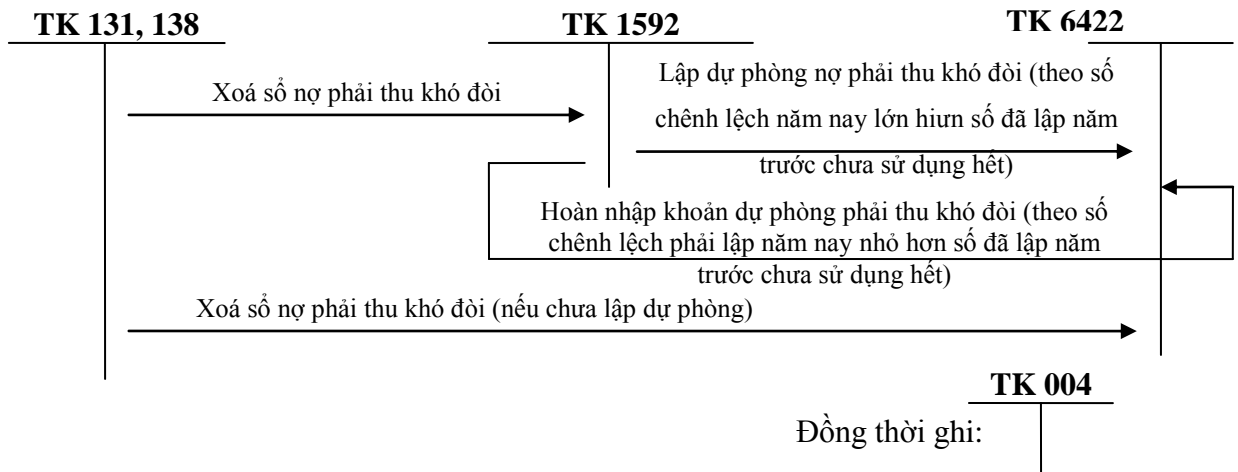
✓ Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi là:

- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong Hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa được.

### ❖ Quy trình hạch toán:



### Sơ đồ 3.1 – Quy trình hạch toán dự phòng nợ phải thu khó đòi

### ❖ Phương pháp xác định:

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kê cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

Cuối kỳ kế toán, Công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

### ❖ Mức trích lập: (theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Quá hạn thanh toán (t)	Mức trích lập dự phòng
t < 1 năm	30%
1 năm < t < 2 năm	50%
2 năm < t < 3 năm	70%
t > 3 năm	100% (coi như khoản nợ không đòi được)

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**  
Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2012

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Dư nợ đến ngày 31/12/2012	Chưa đến hạn thanh toán	Đến hạn thanh toán	Quá hạn thanh toán	Không đòi được	Ghi chú
1	Công ty TNHH Tohoku Pioneer VN	17.378.892		17.378.892			
2	Công ty TNHH TM&SX Thái Minh	59.865.600			59.865.600		Quá hạn 11 tháng 14 ngày
3	Công ty CP CNTT&TM Hùng Vương	33.450.000			33.450.000		Quá hạn 08 tháng 11 ngày
4	Công ty CP dịch vụ kỹ thuật PHATECO	85.315.000	29.000.000	56.315.000			
5	Công ty TNHH Công nghệ máy văn phòng KYOCERA VN	27.800.000		27.800.000			
6	Công ty TNHH điện tử Sumida VN	38.980.000			38.980.000		Quá hạn 07 tháng 04 ngày
7	Công ty TNHH cơ khí chính xác TUYLIP	19.800.000		19.800.000			
8	Công ty TNHH NICHIAS	26.450.790	26.450.790				
9	Công ty TNHH MEDIRIT VN	52.570.000	32.357.768	20.212.232			
10	Công ty TNHH điện tử LEO VN	26.730.300	26.730.300				
<b>Tổng cộng</b>		<b>388.340.582</b>	<b>114.538.858</b>	<b>141.506.124</b>	<b>132.295.600</b>	-	

*Nguồn trích: Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt – Năm 2012*

### **Biểu số 3.4 – Báo cáo tình hình công nợ**

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT

Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

### BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Năm 2012

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích	Ghi chú
1	Công ty TNHH TM&SX Thái Minh	59.865.600	11 tháng 14 ngày	30%	17.959.680	
2	Công ty CP CNTT&TM Hùng Vương	33.450.000	8 tháng 11 ngày	30%	10.035.000	
3	Công ty TNHH điện tử Sumida VN	38.980.000	07 tháng 04 ngày	30%	11.694.000	
<b>Tổng cộng</b>		<b>132.295.600</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>39.688.680</b>	

*Nguồn trích: Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt – Năm 2012*

### Biểu số 3.5 – Bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi



## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Dựa trên báo cáo trên thì công ty cần trích lập dự phòng trong năm 2012 đối với các khoản nợ như sau:

- Khoản nợ 59.865.600đ của Công ty TNHH TM&SX Thái Minh theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2012 đã quá hạn thanh toán 11 tháng 14 ngày.

- Khoản nợ 33.450.000đ của Công ty CP CNTT&TM Hùng Vương theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2012 đã quá hạn thanh toán 08 tháng 11 ngày.

- Khoản nợ 38.980.000đ của Công ty TNHH điện tử Sumida VN theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2012 đã quá hạn thanh toán 07 tháng 04 ngày.

Tuy nhiên công ty không tiến hành trích lập dự phòng. Việc không trích lập nợ phải thu khó đòi có thể dẫn đến ảnh hưởng về mặt tài chính khi trong tương lai doanh nghiệp không thu hồi được nợ.

**Ví dụ:** Giả sử ngày 31/12/2012, kế toán tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên Bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (trang 86) như sau:

Tính số dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2012:

$$\begin{aligned} \text{Số dự phòng nợ phải thu khó đòi} &= 59.865.600 \times 30\% + 33.450.000 \times 30\% \\ &\quad + 38.980.000 \times 30\% \\ &= 39.688.680\text{đ} \end{aligned}$$

*Kế toán định khoản:* NỢ TK 6422 : 39.688.680

CÓ 1592 : 39.688.680

Kế toán tiến hành lập phiếu kế toán rồi vào Sổ Nhật ký chung và các sổ sách liên quan.

### **3.2.3.4. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ**

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần

## KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

trách nhiệm cho các cán bộ công nhân viên đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

**CÔNG TY TNHH KHUÔN MẪU MINH ĐẠT**

Số 350 Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, Hải Phòng

### **SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ**

*Tháng ....năm....*

Ngày, tháng	Loại chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận

#### **Biểu số 3.6 – Phiếu giao nhận chứng từ**

##### **3.2.3.5. Một số giải pháp khác**

Bộ phận kế toán thường xuyên có những buổi họp để trao đổi, phổ biến kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin kế toán mới để có sự phối hợp nhịp nhàng, ăn ý giữa các nhân viên kế toán, nhằm nâng cao năng suất hoạt động, phù hợp với giai đoạn tăng cường các hoạt động kinh doanh của công ty hiện nay.

Công ty nên tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, chọn lọc và áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp và chuẩn mực kế toán hiện nay của Việt Nam.

Hiện nay, công ty chỉ mới phân tích kết quả hoạt động kinh doanh ở mức so sánh chênh lệch của các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính như Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh mà chưa tổng hợp các chỉ tiêu để có thể nhìn thấy rõ tình hình tài chính của công ty. Vì vậy theo em, công ty nên lập bảng tổng hợp các chỉ tiêu về tài chính để có cái nhìn khái quát hơn.

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---

## KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, muốn tồn tại được phải có sự phát triển không ngừng trong kinh doanh, cũng như chặt chẽ, nghiêm túc trong công tác quản lý và luôn nâng cao nghiệp vụ, mở rộng quan hệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh để tiến kịp với sự đi lên của đất nước.

Là một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực gia công linh kiện, Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt luôn khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Đây là một trong những động lực thúc đẩy hoạt động kinh doanh của công ty ngày một phát triển hơn. Để đạt được thành tích như vậy phải kể đến công tác kế toán. Công ty đã chú trọng đầu tư cho công tác kế toán tài chính ngày càng hoàn thiện và phục vụ cho công việc quản lý ngày càng tốt hơn mà khâu đóng vai trò rất quan trọng là bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Có thể nói việc hạch toán doanh thu, chi phí và các định kết quả kinh doanh nói riêng và việc hạch toán kế toán nói chung tại công ty tương đối khoa học và hợp lý, song cũng không thể tránh khỏi những hạn chế. Với những kiến thức đã học, cùng với việc tiếp cận thực tế, em đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt.

Em xin chân thành cảm ơn Th.s Nguyễn Thị Mai Linh, các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, các quý phòng ban trong Công ty TNHH khuôn mẫu Minh Đạt đã giúp đỡ em hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp này.

# KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

---